

# MỤC LỤC

| <b>NỘI DUNG</b>  | <b>Trang</b> |
|--|--------------|
| Mục lục  | 1            |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá  | 3            |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>   | 5            |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>  | 10           |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>   | 10           |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>  | 11           |
| <b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2, VÀ 3</b>  | 11           |
| <b>Tiêu chuẩn 1. Tổ chức và quản lý nhà trường</b>   | 11           |
| <b>Mở đầu</b>  | 11           |
| <b>Tiêu chí 1.1.</b> Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường                      | 11           |
| <b>Tiêu chí 1.2.</b> Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 14           |
| <b>Tiêu chí 1.3.</b> Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường   | 15           |
| <b>Tiêu chí 1.4.</b> Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng                     | 17           |
| <b>Tiêu chí 1.5.</b> Lớp học   | 20           |
| <b>Tiêu chí 1.6.</b> Quản lý hành chính, tài chính và tài sản  | 22           |
| <b>Tiêu chí 1.7.</b> Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên  | 23           |
| <b>Tiêu chí 1.8.</b> Quản lý các hoạt động giáo dục  | 25           |
| <b>Tiêu chí 1.9.</b> Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở   | 27           |
| <b>Tiêu chí 1.10.</b> Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học                                    | 29           |
| <b><i>Kết luận về tiêu chuẩn 1</i></b>   | 31           |
| <b>Tiêu chuẩn 2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>                                | 32           |
| <b>Mở đầu</b>  | 33           |
| <b>Tiêu chí 2.1.</b> Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng  | 33           |
| <b>Tiêu chí 2.2.</b> Đối với giáo viên   | 34           |
| <b>Tiêu chí 2.3.</b> Đối với nhân viên   | 36           |
| <b>Tiêu chí 2.4.</b> Đối với học sinh  | 38           |
| <b><i>Kết luận về tiêu chuẩn 2</i></b>   | 39           |
| <b>Tiêu chuẩn 3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>  | 41           |

|  |    |
|--|----|
| <b>Mở đầu</b>  | 41 |
| <b>Tiêu chí 3.1.</b> Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập   | 41 |
| <b>Tiêu chí 3.2.</b> Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập   | 42 |
| <b>Tiêu chí 3.3.</b> Khối hành chính - quản trị  | 44 |
| <b>Tiêu chí 3.4.</b> Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước  | 46 |
| <b>Tiêu chí 3.5.</b> Thiết bị  | 48 |
| <b>Tiêu chí 3.6.</b> Thư viện  | 49 |
| <b><i>Kết luận về tiêu chuẩn 3</i></b>   | 50 |
| <b>Tiêu chuẩn 4. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>   | 52 |
| <b>Mở đầu</b>  | 52 |
| <b>Tiêu chí 4.1.</b> Ban đại diện cha mẹ học sinh  | 52 |
| <b>Tiêu chí 4.2.</b> Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường  | 54 |
| <b><i>Kết luận về tiêu chuẩn 4</i></b>   | 56 |
| <b>Tiêu chuẩn 5. Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>  | 57 |
| <b>Mở đầu</b>  | 57 |
| <b>Tiêu chí 5.1.</b> Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông   | 57 |
| <b>Tiêu chí 5.2.</b> Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện | 60 |
| <b>Tiêu chí 5.3.</b> Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định  | 61 |
| <b>Tiêu chí 5.4.</b> Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp   | 63 |
| <b>Tiêu chí 5.5.</b> Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh  | 66 |
| <b>Tiêu chí 5.6.</b> Kết quả giáo dục  | 67 |
| <b><i>Kết luận về tiêu chuẩn 5</i></b>   | 67 |
| <b>II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4</b>  | 71 |
| <b>Tiêu chí 1</b>  | 71 |
| <b>Tiêu chí 2</b>  | 71 |
| <b>Tiêu chí 3</b>  | 73 |
| <b>Tiêu chí 4</b>  | 74 |
| <b>Tiêu chí 5</b>  | 75 |
| <b>Tiêu chí 6</b>  | 76 |
| <b><i>Kết luận</i></b>   | 77 |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>  | 78 |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>  | 80 |

## TỔNG HỢP HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu “x” vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1,2 và 3

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí    | Kết quả   |       |       |       |
|----------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                            | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                            |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b> | -----     | ----- | ----- | ----- |
| Tiêu chí 1.1               |           |       | x     |       |
| Tiêu chí 1.2               |           |       |       | x     |
| Tiêu chí 1.3               |           |       | x     |       |
| Tiêu chí 1.4               |           |       |       | x     |
| Tiêu chí 1.5               |           |       |       | x     |
| Tiêu chí 1.6               |           |       |       | x     |
| Tiêu chí 1.7               |           |       |       | x     |
| Tiêu chí 1.8               |           |       |       | x     |
| Tiêu chí 1.9               |           |       |       | x     |
| Tiêu chí 1.10              |           |       |       | x     |
| <b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b> | -----     | ----- | ----- | ----- |
| Tiêu chí 2.1               |           |       | x     |       |
| Tiêu chí 2.2               |           |       | x     |       |
| Tiêu chí 2.3               |           |       | x     |       |
| Tiêu chí 2.4               |           |       |       | x     |
| <b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b> | -----     | ----- | ----- | ----- |
| Tiêu chí 3.1               |           |       |       | x     |
| Tiêu chí 3.2               |           |       |       | x     |
| Tiêu chí 3.3               |           |       |       | x     |

|                     |       |       |       |       |
|---------------------|-------|-------|-------|-------|
| Tiêu chí 3.4        |       |       |       | X     |
| Tiêu chí 3.5        |       |       |       | X     |
| Tiêu chí 3.6        |       |       |       | X     |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b> | ----- | ----- | ----- | ----- |
| Tiêu chí 4.1        |       |       |       | X     |
| Tiêu chí 4.2        |       |       |       | X     |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> | ----- | ----- | ----- | ----- |
| Tiêu chí 5.1        |       |       |       | X     |
| Tiêu chí 5.2        |       |       |       | X     |
| Tiêu chí 5.3        |       |       |       | X     |
| Tiêu chí 5.4        |       |       |       | X     |
| Tiêu chí 5.5        |       |       |       | X     |
| Tiêu chí 5.6        |       |       | X     |       |

## Kết quả đạt Mức 2

### 1.2. Đánh giá theo Mức 4

| Tiêu chí   | Kết quả |           | Ghi chú |
|------------|---------|-----------|---------|
|            | Đạt     | Không đạt |         |
| Tiêu chí 1 |         | X         |         |
| Tiêu chí 2 |         | X         |         |
| Tiêu chí 3 |         | X         |         |
| Tiêu chí 4 |         | X         |         |
| Tiêu chí 5 |         | X         |         |
| Tiêu chí 6 |         | X         |         |

Kết quả: Không đạt Mức 4

## 2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

## Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường THCS&THPT Tà Nung, TP Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Tên trước đây trường THCS&THPT Tà Nung-Đà Lạt-Lâm Đồng

Cơ quan chủ quản: Sở GD&ĐT Lâm Đồng

|                                |          |                              |   |
|--------------------------------|----------|------------------------------|---|
| Tỉnh/thành phố                 | Lâm Đồng | Họ và tên hiệu trưởng        | Phan Văn Thế  |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố    | Đà Lạt   | Điện thoại                   | 02633.595395  |
| Xã/phường/thị trấn             | Tà Nung  | Fax                          |   |
| Đạt chuẩn quốc gia             |          | Website                      | <a href="http://www.tanung.edu.vn/">http://www.tanung.edu.vn/</a> |
| Năm thành lập                  | 2007     | Số điểm trường               |   |
| Công lập                       | x        | Loại hình khác               |   |
| Tư thực                        |          | Thuộc vùng khó khăn          |   |
| Trường chuyên biệt             |          | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |   |
| Trường liên kết với nước ngoài |          |                              |   |

### 1. Số lớp

| Số lớp          | Năm học 2014-2015 | Năm học 2015-2016 | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 |
|-----------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Khối lớp 6      | 2                 | 2                 | 2                 | 3                 | 2                 |
| Khối lớp 7      | 2                 | 2                 | 2                 | 2                 | 3                 |
| Khối lớp 8      | 2                 | 2                 | 2                 | 2                 | 2                 |
| Khối lớp 9      | 2                 | 2                 | 2                 | 2                 | 2                 |
| <b>Cấp THCS</b> | <b>8</b>          | <b>8</b>          | <b>8</b>          | <b>9</b>          | <b>9</b>          |
| Khối lớp 10     | 2                 | 3                 | 2                 | 2                 | 2                 |
| Khối lớp 11     | 2                 | 2                 | 3                 | 2                 | 2                 |
| Khối lớp 12     | 2                 | 1                 | 2                 | 2                 | 2                 |
| <b>Cấp THPT</b> | <b>6</b>          | <b>6</b>          | <b>7</b>          | <b>6</b>          | <b>6</b>          |
| <b>Cộng</b>     | <b>14</b>         | <b>14</b>         | <b>15</b>         | <b>15</b>         | <b>15</b>         |

### 2. Số phòng học

|                          | <b>Năm học<br/>2014-2015</b> | <b>Năm học<br/>2015-2016</b> | <b>Năm học<br/>2016-2017</b> | <b>Năm học<br/>2017-2018</b> | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> |
|--------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Phòng học<br>kiên cố     | 22                           | 22                           | 22                           | 22                           | 22                           |
| Phòng học<br>bán kiên cố | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |
| Phòng học<br>tạm         | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            | 0                            |
| Các phòng<br>chức năng   | 9                            | 9                            | 9                            | 9                            | 9                            |
| <b>Cộng</b>              | 22                           | 22                           | 22                           | 22                           | 22                           |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

|                 | <b>Tổng số</b> | <b>Nữ</b> | <b>Dân tộc</b> | <b>Trình độ đào tạo</b> |                   |                       | <b>Ghi chú</b> |
|-----------------|----------------|-----------|----------------|-------------------------|-------------------|-----------------------|----------------|
|                 |                |           |                | <i>Đạt chuẩn</i>        | <i>Trên chuẩn</i> | <i>Chưa đạt chuẩn</i> |                |
| Hiệu trưởng     | 1              | 0         | 0              |                         | 1                 |                       |                |
| Phó hiệu trưởng | 2              | 0         | 0              |                         | 2                 |                       |                |
| Giáo viên       | 28             | 20        | 4              | 16                      | 14                |                       |                |
| Nhân viên       | 7              | 5         | 0              | 4                       | 0                 |                       |                |
| <b>Cộng</b>     | 38             | 25        | 4              | 20                      | 17                | 0                     |                |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|                            | <b>Năm học<br/>2014-2015</b> | <b>Năm học<br/>2015-2016</b> | <b>Năm học<br/>2016-2017</b> | <b>Năm học<br/>2017-2018</b> | <b>Năm học<br/>2018-2019</b> |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tổng số giáo viên          | 30                           | 29                           | 28                           | 28                           | 28                           |
| Tỷ lệ giáo viên/lớp        | 1.87                         | 2.07                         | 1.9                          | 1.9                          | 1.87                         |
| Tỷ lệ giáo viên/học sinh   | 6,83%                        | 6,34%                        | 5,7%                         | 5,34%                        | 5,5%                         |
| Tổng số giáo viên dạy giỏi | 5                            | 3                            | 8                            | 5                            | 9                            |

|   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|
| cấp huyện và tương đương                    |   |   |   |   |   |
| Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 |

#### 4. Học sinh

##### a. Số liệu chung

| T | T | Số liệu                                 | Năm học 2014-2015 | Năm học 2015-2016 | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 |
|---|---|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1 |   | Tổng số học sinh                        | <b>457</b>        | <b>475</b>        | <b>491</b>        | <b>521</b>        | <b>509</b>        |
|   |   | - Nữ                                    | 255               | 256               | 268               | 149               | 148               |
|   |   | - Dân tộc                               | 210               | 232               | 236               | 253               | 245               |
|   |   | - Khối lớp 6                            | 75                | 74                | 76                | 102               | 76                |
|   |   | - Khối lớp 7                            | 74                | 76                | 74                | 76                | 100               |
|   |   | - Khối lớp 8                            | 72                | 74                | 73                | 75                | 74                |
|   |   | - Khối lớp 9                            | 74                | 66                | 70                | 68                | 63                |
|   |   | <b>Cấp THCS</b>                         | <b>295</b>        | <b>290</b>        | <b>293</b>        | <b>321</b>        | <b>313</b>        |
|   |   | - Khối lớp 10                           | 63                | 87                | 71                | 72                | 75                |
|   |   | - Khối lớp 11                           | 53                | 53                | 76                | 64                | 63                |
|   |   | - Khối lớp 12                           | 46                | 45                | 51                | 64                | 58                |
|   |   | <b>Cấp THPT</b>                         | <b>162</b>        | <b>185</b>        | <b>198</b>        | <b>200</b>        | <b>196</b>        |
|   |   | <b>Toàn trường</b>                      | <b>457</b>        | <b>475</b>        | <b>491</b>        | <b>521</b>        | <b>509</b>        |
| 2 |   | Tổng số tuyển mới                       | 138               | 161               | 147               | 174               | 176               |
| 3 |   | Học 2 buổi/ngày                         | 457               | 475               | 491               | 521               | 509               |
| 4 |   | Bán trú                                 | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 |
| 5 |   | Nội trú                                 | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 |
| 6 |   | Bình quân hs/lớp học                    | 32,6              | 33,9              | 27,4              | 34,7              | 33,9              |
| 7 |   | Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 457<br>100%       | 475<br>100%       | 491<br>100%       | 521<br>100%       | 509<br>100%       |

|    |   |             |             |             |             |             |
|----|---|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|    | - Nữ  | 255<br>100% | 256<br>100% | 268<br>100% | 149<br>100% | 148<br>100% |
|    | - Dân tộc                                       | 210<br>100% | 232<br>100% | 236<br>100% | 253<br>100% | 245<br>100% |
| 8  | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh            | 12          | 12          | 6           | 8           | 9           |
| 9  | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia              | 0           | 0           | 0           | 0           | 0           |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách     | 12          | 19          | 31          | 44          | 49          |
|    | - Nữ  | 10          | 17          | 22          | 30          | 34          |
|    | - Dân tộc                                       | 11          | 18          | 29          | 41          | 47          |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn | 14          | 10          | 21          | 40          | 40          |
| 12 | Đề tài KHKT cấp tỉnh                            | 0           | 0           | 0           | 1           | 1           |

b. Kết quả giáo dục

| Số liệu                          | Năm học<br>2014-<br>2015 | Năm học<br>2015-<br>2016 | Năm học<br>2016-<br>2017 | Năm học<br>2017-<br>2018 | Năm học<br>2018-<br>2019 | Ghi chú |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---------|
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi     | 7.8                      | 9.3                      | 12.2                     | 12.62                    | 11.22                    |         |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá      | 29.4                     | 29.3                     | 36.7                     | 32.23                    | 32.28                    |         |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 15.9                     | 16.8                     | 7.4                      | 13.01                    | 13.78                    |         |
| Tỷ lệ học sinh                   | 61.2                     | 61.2                     | 70.3                     | 56.76                    | 66.01                    |         |



|   |      |      |      |       |       |  |
|---|------|------|------|-------|-------|--|
| xếp loại hạnh<br>kiểm tốt                             |      |      |      |       |       |  |
| Tỷ lệ học sinh<br>xếp loại hạnh<br>kiểm khá           | 31.4 | 31.8 | 25.5 | 32.43 | 28.88 |  |
| Tỷ lệ học sinh<br>xếp loại hạnh<br>kiểm trung<br>bình | 7.4  | 7    | 4.2  | 10.81 | 5.11  |  |

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trường THCS&THPT Tà Nung được thành lập theo quyết định số: 1371/QĐ-UB ngày 22/5/2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tà Nung được hình thành vào năm 2007, từ cơ sở nâng cấp trường Trung học cơ sở Tà Nung phân trường tiểu học Tà Nung thành phố Đà Lạt tỉnh Lâm Đồng. Trong năm học 2018 - 2019, toàn trường có 38 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó: Ban giám hiệu: 03; Giáo viên: 28; nhân viên: 06. Chia làm 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, tất cả đội ngũ đều đạt chuẩn, có 14 cán bộ-giáo viên trên chuẩn (đạt 50.0%). Toàn trường có 15 lớp với 509 học sinh; trong đó bậc Trung học cơ sở có 9 lớp với 313 học sinh; bậc Trung học phổ thông có 6 lớp với 196 học sinh.

Trường có 22 phòng học cho 15 lớp, trong đó 9 phòng học dùng làm phòng học bộ môn có trang bị thiết bị công nghệ thông tin phục vụ dạy học như máy chiếu projector, màn chiếu, 03 phòng thí nghiệm, thực hành Vật lý, Hóa học, Sinh học và 01 phòng máy tính đã kết nối mạng Internet đường truyền cáp quang. Thư viện với diện tích 96m<sup>2</sup>, có phòng đọc của học sinh và của giáo viên, nhà kho. Khu hiệu bộ có đủ phòng làm việc cho Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, văn thư, kế toán, y tế và các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức khác trong nhà trường.

Công tác tài chính ổn định trong các năm qua, đảm bảo phục vụ được các hoạt động giáo dục của nhà trường. Nguồn kinh phí thu hợp pháp khác từ nguồn xã hội hóa được nhà trường thu đúng, đủ và sử dụng đúng mục đích góp phần hỗ trợ các hoạt động dạy, học và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã triển khai đầy đủ, có chất lượng các hoạt động chung của Ngành và các hoạt động xã hội có liên quan, quan tâm đến mối quan hệ mật thiết giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Nhằm giúp nhà trường thấy được những điểm mạnh, điểm yếu ở các hoạt động trong thời gian qua, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tà Nung đã tiến hành công việc tự đánh giá nhà trường. Qua đó giúp đội ngũ công chức, viên chức hiểu rõ được mục đích, ý nghĩa, các bước tiến hành của việc tự đánh giá, nhà trường đã triển khai tất cả các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác tự đánh giá và

đánh giá ngoài, thông qua đó đánh giá công tác Kiểm định chất lượng và trường chuẩn quốc gia, cụ thể là Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ giáo dục và đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá, đồng thời triển khai theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng. Nhà trường đã tổ chức tự đánh giá và hoàn thành Báo cáo tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn với 28 tiêu chí theo qui định.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3**

#### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

##### **Mở đầu**

Nhà trường có quy mô trường lớp và cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhà trường có cơ cấu và tổ chức đầy đủ, đúng theo quy định, các tổ chức xã hội hoạt động hỗ trợ cho việc dạy và học, cơ cấu tổ chức và thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo. Cán bộ, giáo viên, công nhân viên trong trường có tinh thần đoàn kết tốt, có ý thức tự học tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức trách nhiệm trong việc. Công tác quản lý và triển khai các hoạt động giáo dục có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các đoàn thể và thành viên trong nhà trường. Quản lý hành chính thực hiện đúng theo quy định. Hằng năm, trường đã triển khai một cách thường xuyên, hiệu quả công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, đề bạt và tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng lý luận chính trị để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường.

Hiệu trưởng có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác, có năng lực thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định.

#### ***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

##### **Mức 1**

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

## Mức 2

\* Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

## Mức 3

\* Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng trên cơ sở phù hợp với mục tiêu giáo dục và đáp ứng với phát triển kinh tế, xã hội hiện nay. [H1-1.1-01]; Chiến lược phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ <http://www.tanung.edu.vn/>. [H1-1.1-04]

#### 1.2. Mức 2

Kế hoạch chiến lược nhà trường là cơ sở để nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học cụ thể, qua đó nhà trường đã cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường để tiến hành thực hiện hàng năm. Song song với việc thực hiện nhiệm vụ hàng năm, các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức khác trong nhà trường thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hàng năm, từ đó tạo cơ chế giám sát thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. [H1-1.1-03]

#### 1.3. Mức 3

Định kỳ chưa rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. [H1-1.1-03]

## 2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển được xây dựng bằng văn bản xác định rõ mục tiêu phấn đấu, nhiệm vụ trọng tâm và biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn.

Nội dung chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục.

Từ việc xác định sứ mạng, tầm nhìn, giá trị của nhà trường, trường đã xác định mục tiêu chiến lược đến năm 2030.

Từng giai đoạn của chiến lược phát triển phù hợp với nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất của nhà trường.

Chiến lược phát triển của trường đã thể hiện được quyết tâm của cán bộ, công chức, viên chức nhà trường cũng như đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân địa phương.

### 3. Điểm yếu

Chưa tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường kịp thời.

Đội ngũ giáo viên thường xuyên thay đổi do chuyển trường làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển nhà trường.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng định kỳ xây dựng kế hoạch, điều chỉnh, rà soát chiến lược nhằm điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo sự phát triển nhà trường theo đúng định hướng.

Trường đề ra các giải pháp để giữ chân giáo viên công tác tại trường lâu dài (ít nhất là 10 năm).

Trường tham mưu với Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng trong công tác tuyển dụng hàng năm nhằm địa phương hóa giáo viên.

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                | Mức 2               |                   | Mức 3               |                |
|---------|----------------|---------------------|-------------------|---------------------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo<br>(Nếu có) | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo<br>(Nếu có) | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            | *                   | Đạt               | *                   | Chưa Đạt       |
| b       | Đạt            | -                   | -                 | -                   | -              |
| c       | Đạt            | -                   | -                 | -                   | -              |
| Đạt     |                | Đạt                 |                   | Không đạt           |                |

Kết quả: Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

## Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

## Mức 2

\* Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Hội đồng trường Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tà Nung được thành lập theo Quyết định số 2882/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 9 năm 2015, đảm bảo cơ cấu hoạt động theo Điều 20 của Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011. [H1-1.2-01]

Trong quá trình hoạt động, nhà trường cũng đã thành lập các hội đồng khác và hội đồng tư vấn như Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật giáo viên, học sinh cũng như các hội đồng chấm thi học sinh giỏi, Giáo viên giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi... Các hội đồng này đảm bảo cơ cấu, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn Điều 21 của Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 nhằm thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cần thiết của nhà trường. [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-07]; [H1-1.2-04].

Các hoạt động của Hội đồng được định kỳ rà soát, bổ sung thực hiện nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tiễn nhà trường và địa phương. [H1-1.1-02]

#### 1.2. Mức 2

Tất cả các hội đồng trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định, góp phần tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, qua đó góp phần hoàn thành nhiệm vụ giáo dục từng năm học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. [H1-1.1-02]

### 2. Điểm mạnh

Hội đồng trường, Hội đồng khác và các Hội đồng tư vấn trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định, góp phần hoàn thành nhiệm vụ từng năm học.

### 3. Điểm yếu

Hội đồng trường hoạt động chưa thường xuyên theo quy định. Chưa thực hiện đầy đủ quyền hạn theo quy định.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chủ tịch hội đồng thường tiến hành rà soát tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh lại thành viên trong Hội đồng trường (do có thành viên chuyển công tác) trong năm 2019.

Chủ tịch Hội đồng trường chủ động điều hành hoạt động của Hội đồng thực hiện đầy đủ chức năng quyền hạn theo quy định nhằm phát huy vai trò của Hội đồng trường trong những năm tiếp theo.

#### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | *       | Đạt               | -       | -                 |
| b       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

#### ***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

##### Mức 1

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

##### Mức 2

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

##### Mức 3

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

## 1. Mô tả hiện trạng

### 1.1. Mức 1

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức chính trị xã hội cần thiết cho hoạt động giáo dục của nhà trường như tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Hội chữ thập đỏ và Hội khuyến học. [H1-1.3-01]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Các tổ chức chính trị, xã hội trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức tương ứng. [H1-1.3-03]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Cuối năm các tổ chức chức như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Hội chữ thập đỏ và Hội khuyến học đều được tổ chức quản lý cấp trên trực tiếp đánh giá, xếp loại theo đúng quy định. [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-15]; [H1-1.3-16]

### 1.2. Mức 2

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường được thành lập theo quy định. Tính đến thời điểm hiện tại chi bộ nhà trường có 12 đảng viên, trong đó có 10 đảng viên chính thức và 02 đảng viên dự bị. Cấp ủy có 3 đảng viên, 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư và 01 chi ủy viên. Hoạt động của tổ chức Đảng đảm bảo theo đúng Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ Đảng. [H1-1.3-11]; [H1-1.3-13]. Trong thời gian từ năm 2014 đến nay Chi bộ nhà trường được Thành ủy Đà Lạt đánh giá, xếp loại tổ chức đảng cuối năm đều đạt mức Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ. [H1-1.3-14]

Hoạt động của các tổ chức chính trị, xã hội trong nhà trường đều đảm bảo theo đúng Pháp luật và Điều lệ của tổ chức, tất cả đều nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ chung của nhà trường. Kết quả hoạt động của các tổ chức được cấp trên ghi nhận. [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-15]; [H1-1.3-16]

### 1.3. Mức 3

Trong thời gian từ năm 2014 đến nay Chi bộ nhà trường được đánh giá, xếp loại tổ chức đảng cuối năm đều đạt mức Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ. [H1-1.3-14]

Hoạt động của các tổ chức chính trị, xã hội trong nhà trường đều đảm bảo theo đúng Pháp luật và Điều lệ của tổ chức, tất cả đều nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ chung của nhà trường. Kết quả hoạt động của các tổ chức được cấp trên ghi nhận, nhưng chưa có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng. [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]; [H1-1.3-15]; [H1-1.3-16]



## 2. Điểm mạnh

Các tổ chức chính trị, xã hội trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định.

Các tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ hàng năm đề ra, góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ hàng năm.

## 3. Điểm yếu

Đội ngũ nhà trường thường có sự biến động hàng năm, số lượng giáo viên ít nên ảnh hưởng đến cơ cấu, chất lượng hoạt động của các tổ chức.

Hoạt động của một số tổ chức trong nhà trường còn mang tích tụ động, tầm ảnh hưởng mới chỉ dừng lại trong nội bộ nhà trường.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tham mưu với cấp có thẩm quyền có chế độ ưu đãi đối với giáo viên là người địa phương nhằm tạo điều kiện cho giáo viên an tâm công tác lâu dài tại trường.

Chủ tịch công đoàn, Bí thư đoàn trường, tổng phụ trách đội căn cứ tình hình thực tiễn của nhà trường, địa phương và yêu cầu của ngành xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm đảm bảo tính khả thi, từ đó chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ hàng năm. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chọn hoạt động điểm hàng năm nhằm tạo ảnh hưởng đến nhân dân ở địa phương.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                | Mức 2   |                | Mức 3     |                |
|---------|----------------|---------|----------------|-----------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            | a       | Đạt            | a         | Đạt            |
| b       | Đạt            | b       | Đạt            | b         | Không đạt      |
| c       | Đạt            | -       | -              | -         | -              |
| Đạt     |                | Đạt     |                | Không đạt |                |

Kết quả: Đạt Mức 2

### ***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

#### Mức 1

- a) Có hiệu trưởng, số lượng hiệu phó theo quy định.
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

#### Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện ít nhất 01 ( một ) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh

#### Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Ban lãnh đạo nhà trường gồm 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng có chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, trong đó Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng có trình độ thạc sỹ quản lý giáo dục, Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đã có trình độ trung cấp lý luận chính trị và quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính. Ban giám hiệu đã được cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm. [H1-1.4-01]

Hiện nay tổng số giáo viên của trường là 28 giáo viên, được biên chế vào 5 tổ chuyên môn. Tổ văn phòng gồm 6 nhân viên. [H1-1.4-02]

Đầu năm học Hiệu trưởng đều ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng là những Đảng viên hoặc là giáo viên có kinh nghiệm theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. [H1-1.4-02]. Các tổ chuyên môn xây dựng được kế hoạch hoạt động năm học ngay từ đầu năm học, và có kế hoạch hoạt động chi tiết theo tuần, tháng. [H1-1.4-03]

Các tổ chuyên môn duy trì sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng nhằm trao đổi những vấn đề về chuyên môn như: đổi mới phương pháp giảng dạy, giải quyết các kiến thức khó của từng bài, từng chương, thảo luận và thống nhất các hoạt động chuyên môn theo từng thời điểm, tiến hành kiểm tra hồ sơ chuyên môn, rút kinh nghiệm giờ dự, giờ dạy tốt, giờ thao giảng. Tuy nhiên ở một số tổ trong sinh hoạt còn hành chính sự vụ. Một số tổ có số giáo viên mới nhiều nên còn hạn chế về chất lượng giảng dạy. [H1-1.4-04]. Các tổ thực hiện nhiệm vụ đầy đủ theo kế hoạch và quy định.

#### 1.2. Mức 2

Mỗi năm, mỗi tổ chuyên môn đều xây dựng và triển khai 01 chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. [H5-5.1-04]

Hàng năm ban lãnh đạo nhà trường kiểm tra các hoạt động của tổ chuyên môn ít nhất 2 lần/năm học. Bên cạnh đó tổ chuyên môn và văn phòng được rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm hàng tháng. [H1-1.7-02]

### 1.3. Mức 3

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm hàng tháng. Chính vì vậy hoạt động của các tổ có đóng góp lớn trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường như số lượng học sinh giỏi các cấp tăng đều theo hàng năm. [H1-1.4-03]; [H1-1.1-02]

### 2. Điểm mạnh

Lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo sâu sát; kiểm tra thường xuyên để phát hiện, sửa chữa kịp thời những sai sót trong quá trình thực hiện.

Các hoạt động và các buổi sinh hoạt chuyên môn của tổ bộ môn tập trung đầu tư vào công tác chuyên môn, xác định được những nội dung cụ thể trong từng buổi sinh hoạt, ngoài ra tổ còn có các kế hoạch chuyên đề, ngoại khóa góp phần quan trọng nâng cao chất lượng dạy và học.

Đội ngũ giáo viên trẻ năng động, sáng tạo, tâm huyết với nghề.

### 3. Điểm yếu

Kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng chưa kịp thời, rõ ràng cụ thể.

Chất lượng sinh hoạt chuyên môn ở một số tổ chưa cao, đôi lúc còn nặng về hành chính sự vụ, chất lượng giảng dạy ở một số tổ chưa đồng đều.

Đội ngũ giáo viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm trong giảng dạy.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ bộ môn, đặc biệt tổ chức bồi dưỡng giáo viên, sinh hoạt chuyên đề: ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra - đánh giá bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng, dạy học theo hướng nghiên cứu bài học.

Mỗi thành viên trong tổ chuyên môn phải đăng kí ít nhất một chuyên đề đổi mới phương pháp (dạy học, kiểm tra đánh giá, hoặc đổi mới quản lý) để nâng cao chất lượng giáo dục, tiếp tục đổi mới dạy học, kiểm tra - đánh giá, góp phần vào việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo yêu cầu của từng môn học.

Tiếp tục trao đổi kinh nghiệm giữa các thành viên trong từng bộ môn, giữa các thành viên chéo môn; giao lưu, trao đổi chuyên môn với các trường bạn (nhất là ở các bộ môn chỉ có 1 đến 2 giáo viên).

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1          |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|----------------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo        | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a              | Đạt               | a       | Đạt               | a       | Đạt               |
| b              | Đạt               | b       | Đạt               | b       | Đạt               |
| c              | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt/ Không đạt |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 1.5: Lớp học***

#### Mức 1

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

#### Mức 2

\* Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

#### Mức 3

\* Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

#### 1. Mô tả hiện trạng

##### 1.1. Mức 1

Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Tà Nung là trường có hai cấp học. Tính đến thời điểm hiện tại trường có đủ các lớp của từng cấp học. [H1-1.1-02]; [H1-1.5-01]. Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định [H1-1.5-02]. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, bình đẳng. [H1-1.5-02]

##### 1.2. Mức 2

Số lớp của trường hàng năm giao động từ 14 đến 18 lớp. Tỷ lệ học sinh trung bình trên lớp học giao động trong khoản từ 30-35 học sinh trên lớp, đảm bảo đạt chuẩn theo Thông tư số 12/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011. [H1-1.5-01]

##### 1.3. Mức 3

Số lớp của trường hàng năm dao động từ 14 đến 18 lớp. Tỷ lệ học sinh trung bình trên lớp học dao động trong khoảng từ 30-35 học sinh trên lớp, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 12/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011. [H1-1.5-01]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu lớp học được tổ chức theo quy định. Số lượng học sinh duy trì trong khoảng 450-530 học sinh. Số học sinh trong mỗi lớp đảm bảo theo quy định, phù hợp tình hình thực tiễn địa phương.

Diện tích nhà trường phục vụ cho công tác xây dựng hệ thống phòng học, sân chơi, bãi tập phù hợp.

## 3. Điểm yếu

Hoạt động tự quản của học sinh đạt hiệu quả chưa cao, đặt biệt đối với các lớp bậc Trung học cơ sở.

Ý thức tự rèn luyện, tự giác trong các hoạt động còn thấp.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp đúng theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng, Phòng Giáo dục và Đào tạo Đà Lạt hàng năm

Duy trì tỷ lệ học sinh trên lớp học theo quy định hiện hành.

Tổ chức chọn, cử, tập huấn công tác chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, nhất là công tác chủ nhiệm lớp hướng đến nâng cao công tác giáo dục đạo đức cho học sinh.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, các hoạt động thuộc lĩnh vực của từng tổ chức đoàn thể trong nhà trường nhằm thu hút học sinh đến trường.

Tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu trong nhà trường nhằm tạo điều kiện học sinh tham gia, qua đó giáo dục tính tự giác trong cuộc sống và học tập.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | *       | Đạt               | *       | Đạt               |
| b       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

## ***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

### **Mức 1**

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

### **Mức 2**

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **1.1. Mức 1**

Nhà trường thiết lập đầy đủ các loại hồ sơ quản lý tài chính, tài sản theo quy định hiện hành và được bảo quản, lưu trữ đúng theo quy định của Luật lưu trữ. Có hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định. [H1-1.6-02]; [H1-1.6-05].

Việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước. Hằng năm có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước. [H1-1.6-05]

Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ định kỳ đối với công tác tài chính. Thực hiện công khai tài chính, thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định

Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng dựa trên các văn bản hướng dẫn hiện hành, phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, trên cơ sở phát huy tính dân chủ, tập thể của nhà trường, công khai, minh bạch theo quy định. [H1-1.6-03]

### **1.2. Mức 2**

Bộ phận kế toán sử dụng phần mềm kế toán Misa, phần mềm I BHHH, qlts.vn trong thực hiện công việc. [H1-1.6-04]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. [H1-1.6-06]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý tài chính theo qui định và huy động hiệu quả các nguồn kinh phí hợp pháp để hỗ trợ hoạt động giáo dục.

## 3. Điểm yếu

Nhà trường không có khoản thu ngoài. Nên việc chi cho các hoạt động còn gặp nhiều khó khăn. Ở một số điểm ở dự toán chưa sát với thực tiễn.

Việc quản lý tài sản vẫn còn thất thoát, chưa thanh lý tài sản hết niên hạn sử dụng.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế toán tham mưu với Hiệu trưởng trong việc xây dựng dự toán thu chi hàng năm kịp thời, sát với tình hình thực tiễn của địa phương và nhà trường.

Xây dựng kế hoạch tiêu hủy đồ dùng dạy học hết hạn sử dụng, thanh lý tài sản hết niên hạn sử dụng ngay trong năm học 2019-2020.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | -       | -                 |
| b       | Đạt               | b       | Đạt               | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

#### Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

## Mức 2

\* Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hàng năm. [H1-1.7-01]. Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể. [H1-1.7-03] Ban hành các nghị quyết của nhà trường, Hội đồng trường [H1-1.10-03]. Nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, có bảng phân công phân nhiệm rõ ràng, phù hợp với năng lực và sở trường của giáo viên, nhân viên. [H1-1.7-04]. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại điều 32 của thông tư số 12/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011. Được trả công và các mức phụ cấp lao động theo đúng quy định. [H1-1.7-05].

#### 1.2. Mức 2

Nhà trường tạo điều kiện, hỗ trợ và có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Việc phân công, phân nhiệm dựa trên năng lực thực tiễn của từng cá nhân. [H1-1.7-07]

Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên theo đúng quy định, qua đó giúp người được kiểm tra nhận thấy rõ những ưu điểm, tồn tại để có biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ của nhà trường. [H1-1.7-02].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hàng năm. Chú trọng việc xây dựng các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường.

Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường; Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

### 3. Điểm yếu



Đội ngũ giáo viên mỏng, thừa, thiếu cục bộ nên ảnh hưởng đến việc phân công thực hiện một số nhiệm vụ trái chuyên môn, chưa qua đào tạo, bồi dưỡng, không đúng với năng lực, sở trường công tác.

Công tác bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ chưa tiến hành thường xuyên, chưa đầy đủ.

Việc kiểm tra đánh giá giáo viên nhân viên chưa được chú trọng đúng mức.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm dựa trên cơ sở nâng cao chất lượng đội ngũ. Tổ chức tốt tất cả các đợt tập huấn do cấp trên triệu tập. Thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lí và giáo viên hàng năm.

Đối với những vị trí việc làm thừa, thiếu cục bộ nhà trường căn cứ các vị trí này tham gia các đợt tập huấn để đủ năng lực phụ trách công tác kiêm nhiệm.

Nâng cao nhận thức và tổ chức có hiệu quả việc kiểm tra, đánh giá cán bộ, giáo viên - công nhân viên, thực hiện tốt mục tiêu công tác thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực giúp đội ngũ phát huy tốt năng lực, sở trường công tác.

#### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | *       | Đạt               | -       | -                 |
| b       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

#### ***Tiêu chí 1. 8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

##### Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

##### Mức 2

\* Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định.

## 1. Mô tả hiện trạng

### 1.1. Mức 1

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học được hoàn thiện sau Hội nghị Công chức, viên chức đầu năm học, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đảm bảo dựa trên các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của cấp trên. Phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường. [H1-1.7-03]. Bộ phận chuyên môn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy của giáo viên [H1-1.8-07]. Có kế hoạch dạy bù khi chương trình bị chậm so với tiến độ. [H1-1.8-03]. Định kỳ họp chuyên môn một tháng hai lần [H2-2.4-02]. Định kỳ Ban Giám Hiệu kiểm tra, rà soát, đánh giá công tác giáo dục và điều chỉnh kịp thời các nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế [H1-1.1-03].

### 1.2. Mức 2

Hàng năm trường được cơ quan quản lý cấp trên kiểm tra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục và được đánh giá có hiệu quả [H1-1.2-05].

Quản lý dạy thêm học thêm trong nhà trường theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định về dạy thêm và học thêm [H1-1.8-04].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo năm học, kế hoạch phù hợp với quy định chung và sát tình hình thực tế. Các hoạt động cấp trên đánh giá cao. Các tổ chuyên môn thường xuyên họp định kỳ và đột xuất để lên kế hoạch giảng dạy đạt hiệu quả cao. Trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá các hoạt động theo đúng quy định.

## 3. Điểm yếu

Việc xác định một số chỉ tiêu nhất là đối với chất lượng mũi nhọn của học sinh chưa bám vào tình hình thực tiễn hàng năm của nhà trường.

Hàng năm đều có một số chỉ tiêu không hoàn thành so với kế hoạch đặt ra. Thường là chỉ tiêu chất lượng mũi nhọn của học sinh.

Đội ngũ làm công tác kiểm tra các hoạt động giáo dục trong nhà trường, chủ yếu là công tác kiểm tra nội bộ chưa được trang bị kiến thức về kiểm tra,

đánh giá hoạt động của một số bộ phận như kế toán, hay giáo viên không có cùng chuyên môn nên ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kiểm tra, đánh giá.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học đúng theo quy định, trên cơ sở phân tích làm rõ thực tiễn, kế thừa thực tiễn để có các chỉ tiêu phù hợp với nhà trường hàng năm.

Tổ chức thực hiện, rà soát kế hoạch kịp thời để có biện pháp tác động thực hiện đúng kế hoạch, hoàn thiện các chỉ tiêu đề ra hàng năm.

Hiệu trưởng tham mưu với Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng trong việc đăng ký thành viên học lớp nghiệp vụ thanh tra để làm tốt công tác kiểm tra nội bộ. Đối với một số vị trí kiểm tra không có giáo viên cùng chuyên môn thì mời giáo viên các trường có cùng chuyên môn để tham gia công tác kiểm tra đảm bảo đúng quy định.

#### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                | Mức 2   |                | Mức 3   |                |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            | *       | Đạt            | -       | -              |
| b       | Đạt            | -       | -              | -       | -              |
| c       | Đạt            | -       | -              | -       | -              |
| Đạt     |                | Đạt     |                | Đạt     |                |

Kết quả: Đạt Mức 3

#### ***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

##### Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

##### Mức 2

\* Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

##### 1. Mô tả hiện trạng

### 1.1. Mức 1

Hàng năm vào đầu năm học trường tổ chức Hội nghị công nhân, viên chức qua đó cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đều được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-06]. Qua các Hội nghị và họp Hội đồng sư phạm định kỳ toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên nghe báo cáo về tình hình thực hiện công tác trong thời gian qua [H1-1.9-02], báo cáo hoạt của Ban thanh tra nhân dân về công tác Thanh tra nhân dân [H1-1.9-01].

Trường có quy định về tiếp công dân [H1-1.9-03] qua đó các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết đúng quy định pháp luật [H1-1.9-01].

Hàng năm nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-04].

### 1.2. Mức 2

Hội đồng sư phạm họp định kỳ, đưa ra ý kiến nhằm có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Tổng kết cuối năm trường có báo cáo lên cấp trên về thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường. [H1-1.1-03]; [H1-1.9-04].

## 2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trong hội nghị công chức, viên chức hàng năm.

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, Giáo viên, Công nhân viên trong nhà trường đều được giải quyết thỏa đáng, đúng pháp luật.

Hàng năm nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

## 3. Điểm yếu

Việc triển khai, phổ biến các văn bản vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục còn hạn chế.

Ý thức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của một số giáo viên chưa cao, việc đóng góp ý kiến xây dựng nhà trường còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo Công đoàn thường xuyên tham mưu, thực hiện tốt việc phổ biến các văn bản vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục nói riêng và văn bản luật nói chung đến toàn thể đội ngũ trong nhà trường.

Xây dựng ý thức cộng đồng trách nhiệm của đội ngũ trong xây dựng và phát triển nhà trường.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | *       | Đạt               | -       | -                 |
| b       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

#### Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

#### Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội của nhà trường.

Nhà trường có 02 bảo vệ chuyên làm công tác an ninh trật tự trường học. Hàng năm có kế hoạch phối hợp với chính quyền địa phương trong việc đảm bảo an ninh trường học. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường được đảm bảo. Đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Bộ phận Y tế trường học tổ chức tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh theo định kỳ. [H1-1.10-01]; [H1-1-10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]

Nhà trường tổ chức tiếp công dân thường xuyên, định kỳ thông qua đường dây nóng được thông báo trên Website (<http://www.tanung.edu.vn/>) của nhà trường nhằm giải quyết các thông tin, công việc có liên quan đến hoạt động chung của nhà trường. [H1-1.9-03]

Trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-04]

## 1.2. Mức 2

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Hàng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-02]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.10-04]

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. [H1-1.10-04]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống bạo lực trong trường học.

Tổ chức tiếp thu, phản hồi các thông tin giữa phụ huynh, nhân dân địa phương và nhà trường.

### 3. Điểm yếu

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy trong nhà trường chưa đảm bảo theo quy định.

Ý thức tham gia giao thông của phụ huynh và học sinh khi đưa con đến trường nói riêng và tham gia giao thông nói chung còn thấp.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch sửa chữa lại hệ thống phòng cháy, chữa cháy trong nhà trường, mua bổ sung thiết bị phòng cháy chữa cháy trong nhà trường theo đúng quy định trong năm 2019.

Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức giáo dục ý thức tham gia giao thông đảm bảo theo luật an toàn giao thông. Phối hợp với công an xã Tà Nung, công an Thành phố Đà Lạt thực hiện nhiệm vụ giáo dục ý thức tham gia giao thông cũng như ra quân, tuần tra nhằm xử lý vi phạm của học sinh.

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                | Mức 2   |                | Mức 3   |                |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            | a       | Đạt            | -       | -              |
| b       | Đạt            | b       | Đạt            | -       | -              |
| c       | Đạt            | -       | -              | -       | -              |
| Đạt     |                | Đạt     |                | Đạt     |                |

Kết quả: Đạt Mức 3

## Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Nhà trường đã xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011) nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị trọng tâm là dạy và học. Trường có đủ cả 7 khối từ lớp 6 đến lớp 12, biên chế các lớp theo đúng quy định. Các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội. Các Hội đồng trong nhà trường được thành lập đúng cơ cấu và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, Hiệu trưởng đã phổ biến đầy đủ và kịp thời các văn bản quy định đến với cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, thực hiện hiệu quả các biện pháp quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục trong nhà trường.

Để không ngừng nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng trên chuẩn cho cán bộ quản lý và giáo viên. Việc xây dựng môi trường văn hóa an toàn, thân thiện luôn được quan tâm. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống bạo lực và các tệ nạn xã hội luôn được tăng cường. Công tác thi đua - khen thưởng - kỷ luật được thực hiện công khai, công bằng, khách quan, nghiêm túc nhằm động viên, khích lệ những nhân tố tích cực phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả lao động, giúp những người vi phạm khuyết điểm điều chỉnh hành vi và nỗ lực vươn lên về mọi mặt.

Tuy nhiên nhà trường còn tồn tại một số điểm yếu như sau:

Hội đồng trường hoạt động chưa thường xuyên theo quy định. Chưa thực hiện đầy đủ quyền hạn theo quy định.

Đội ngũ nhà trường thường có sự biến động hàng năm, số lượng giáo viên ít nên ảnh hưởng đến cơ cấu, chất lượng hoạt động của các tổ chức. Đội ngũ giáo viên mỏng, thừa, thiếu cục bộ nên ảnh hưởng đến việc phân công thực hiện một số nhiệm vụ trái chuyên môn, chưa qua đào tạo, bồi dưỡng, không đúng với năng lực, sở trường công tác.

Chất lượng sinh hoạt chuyên môn ở một số tổ chưa cao, đôi lúc còn nặng về hành chính sự vụ, chất lượng giảng dạy ở một số tổ chưa đồng đều.

Hoạt động tự quản của học sinh đạt hiệu quả chưa cao, đặc biệt đối với các lớp bậc THCS

Nhà trường không có khoản thu ngoài. Nên việc chi cho các hoạt động còn gặp nhiều khó khăn. Ở một số điểm ở dự toán chưa sát với thực tiễn. Việc quản lý tài sản vẫn còn thất thoát, chưa thanh lý tài sản hết niên hạn sử dụng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 10; Mức 2: 2; Mức 3: 8

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Mức 1: 0; Mức 2: 0; ; Mức 3: 2



## **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

### **Mở đầu**

Đội ngũ công chức - viên chức nhà trường đảm bảo về số lượng, cơ cấu hợp lý và chất lượng không ngừng được nâng cao. Có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề, đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn đào tạo. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với năng lực nên phát huy được khả năng, năng lực sở trường của từng cá nhân.

Học sinh của nhà trường đảm bảo về độ tuổi, thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định về nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục cũng như các quy định khác của nhà trường.

### ***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

#### Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên.
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

#### Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

#### Mức 3

\* Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

#### 1. Mô tả hiện trạng

##### 1.1. Mức 1

Ban lãnh đạo nhà trường gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng đạt chuẩn theo quy định và đều đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên. Hàng năm đều được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-01];[H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]

##### 1.2. Mức 2

Hàng năm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều được các cấp có thẩm quyền đánh giá từ khá trở lên theo qui định [H2-2.1-06].

Ban lãnh đạo nhà trường gồm 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng có chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn. Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đã được tham gia lớp bồi dưỡng lớp nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính và trung cấp lý luận chính trị hành chính theo chuẩn quy định. Trong đó có Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã học xong chương trình thạc sĩ quản lý giáo dục [H2-2.1-02]

##### 1.3. Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở đều đạt từ mức khá trở chưa có năm nào được đánh giá mức tốt [H2-2.1-06].

## 2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng đều trên chuẩn về trình độ chuyên môn; Đã hoàn thành các khóa học về quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính và trung cấp lý luận chính trị hành chính. Đảm bảo thực hiện quyền hạn theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ trường trung học và các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng nhiệt tình, sáng tạo, trách nhiệm, gương mẫu, đoàn kết trong các mặt hoạt động của nhà trường, hoàn thành khá tốt nhiệm vụ được giao.

## 3. Điểm yếu

Một số tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 và Công văn 4529/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01/10/2018 chưa đáp ứng ở mức Tốt. Như sử dụng ngoại ngữ, xây dựng môi trường giáo dục, quản trị một số hoạt động trong nhà trường.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý nhà trường nghiên cứu kỹ thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 và Công văn 4529/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01/10/2018 Về hướng dẫn thực hiện thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng. Mỗi cá nhân phải xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện việc đánh giá chuẩn trong chu kỳ 5 năm để đạt mức Khá, Tốt.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3     |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|-----------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | *         | Không đạt         |
| b       | Đạt               | b       | Đạt               | -         | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -         | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Không đạt |                   |

Kết quả: Đạt Mức 2

### **Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

#### Mức 1

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

#### Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề

nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

### Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

## 1. Mô tả hiện trạng

### 1.1. Mức 1

Trường có đủ số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo chương trình giáo dục và tổ chức cho các hoạt động giáo dục [H2-2.2-01]. Các giáo viên đều đạt chuẩn về trình độ đào tạo, đối với cấp Trung học cơ sở là trình độ cao đẳng trở lên, còn cấp Trung học phổ thông đều đạt trình độ đại học [H2-2.2-01]. Hàng năm nhà trường tiến hành đánh giá chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên theo đúng quy định [H1-1.4-06]. Kết quả giáo viên đạt chuẩn theo quy định, tỷ lệ được nâng dần hàng năm [H1-1.4-06].

### 1.2. Mức 2

Giáo viên trong nhà trường luôn có ý thức trau dồi chuyên môn, tu dưỡng đạo đức nên trong 05 năm (tính từ 2014 đến nay), trình độ giáo viên luôn đảm bảo đạt chuẩn và trên chuẩn. Tỷ lệ đó duy trì ổn định và tăng đều theo các năm. Tính đến nay, 87,5% giáo viên cấp Trung học cơ sở đạt trên chuẩn đào tạo, có 1 giáo viên Trung học phổ thông đạt trên chuẩn [H1-1.4-06]; Số lượng giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp cũng ổn định và tăng đều qua các năm [H2-2.2-01].

Phân công của Ban giám hiệu nhà trường đảm bảo phù hợp theo năng lực của giáo viên, theo khung vị trí việc làm hàng năm, các giáo viên luôn nỗ lực hết mình để hoàn thành nhiệm vụ, trong đó đa số giáo viên có khả năng lên kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham gia hướng nghiệp và phân luồng cho học sinh đặc biệt là học sinh lớp 9 và lớp 12; Đặc biệt 2 năm trở lại đây, giáo viên ở trường đã mạnh dạn hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu khoa học và đã đạt kết quả với 2 đề tài cấp tỉnh trong hai năm 2017, 2018.[H2-2.2-04 ].

### 1.3. Mức 3

Tỷ lệ giáo viên được đánh giá chuẩn giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp đảm bảo số lượng giáo viên đạt mức khá theo quy định. Tuy nhiên tỷ lệ giáo viên đạt mức Tốt chưa đáp ứng theo yêu cầu. [H1-1.4-06]

Báo cáo nghiên cứu khoa học kỹ thuật của giáo viên được triển khai thực hiện từ năm học 2015-2016 đến nay. Trong những năm đầu tiếp cận nên kết quả đạt được chưa cao. Hàng năm nhà trường đều có sản phẩm báo cáo dự thi cấp trường, tuy nhiên đạt cấp tỉnh mới chỉ có hai năm 2018, 2019. [H2-2.2-04]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo trình độ chuẩn đào tạo. 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Hàng năm nhà trường vẫn chú trọng ưu tiên cho giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên. Giáo viên nhà trường đa số trẻ tuổi đời nên năng nổ, nhiệt huyết, yêu nghề.

Số lượng giáo viên trung học cơ sở trên chuẩn cao 87.5%

### 3. Điểm yếu

Hàng năm đội ngũ giáo viên nhà trường có nhiều biến động, những giáo viên có kinh nghiệm chuyên trường, lại có giáo viên trẻ thay thế nên đội ngũ giáo viên của nhà trường thường còn ít kinh nghiệm giảng dạy.

Số lượng giáo viên trung học phổ thông trên chuẩn còn thấp

Điều kiện tiếp tục học tập nâng cao trình độ trên chuẩn của giáo viên trung học phổ thông còn khó khăn

Việc đánh giá chuẩn giáo viên hàng năm chưa chú trọng đúng mức.

Việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong nhà trường mới chỉ dừng lại ở các giáo viên cốt cán trong nhà trường.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm Hiệu trưởng xây dựng, bổ sung, thực hiện kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao trình độ cho giáo viên trung học phổ thông đảm bảo tỷ lệ trên chuẩn cấp trung học phổ thông tăng sau 5 năm là 14%. Trong đó chú trọng việc chọn, cử giáo viên đủ tiêu chuẩn tham gia.

Từ năm 2018 tiến hành triển khai tập huấn đánh giá chuẩn giáo viên theo hướng dẫn mới tại thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Tổ chức đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên đúng theo quy định.

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                | Mức 2   |                | Mức 3     |                |
|---------|----------------|---------|----------------|-----------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo   | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            | a       | Đạt            | a         | Không đạt      |
| b       | Đạt            | b       | Đạt            | b         | Không đạt      |
| c       | Đạt            | c       | Đạt            | -         | -              |
| Đạt     |                | Đạt     |                | Không đạt |                |

Kết quả: Đạt Mức 2

### **Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

#### Mức 1

- Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

#### Mức 2

- Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

#### Mức 3

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hàng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

## 1. Mô tả hiện trạng

### 1.1. Mức 1

Hiện tại nhà trường có đủ nhân viên theo quy định đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H2-2.2-01]. Hiệu trưởng thực hiện phân công nhiệm vụ đảm bảo đáp ứng theo nhiệm vụ hiện tại, phù hợp năng lực, sở trường công tác của từng nhân viên trong nhà trường [H1-1.7-04]. Hàng năm nhân viên trong nhà trường đều được đánh giá hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trở lên. [H1-1.4-08]

### 1.2. Mức 2

Hiện tại nhà trường thực hiện đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục, với tổng số lượng nhân viên là 06 vị trí [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên nào bị kỷ luật kể cả từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H1-1.2-03].

### 1.3. Mức 3

Tại thời điểm hiện tại tất cả nhân viên đều được đào tạo đáp ứng theo yêu cầu vị trí việc làm [H2-2.2-01]. Hàng năm nhân viên được nhà trường cử tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo triệu tập của cấp trên nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. [H2-2.3-01].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ số lượng nhân viên đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được phân công.

Việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng đối với nhân viên dựa trên cơ sở thực tiễn và phù hợp năng lực, sở trường công tác của từng cá nhân.

Hàng năm nhân viên nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

## 3. Điểm yếu

Vị trí văn thư và Y tế học đường được thực hiện kiêm nhiệm của một vị trí việc làm nên công việc sẽ nhiều ở một số thời điểm nhất định trong năm.

Công tác bảo vệ mới chỉ dừng lại ở việc bảo vệ trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường, an ninh trật tự trong trường, chưa thực hiện tốt việc chăm sóc, tôn tạo cảnh quan. Nhân viên bảo vệ tham gia chưa đầy đủ các lớp bồi dưỡng dành cho công tác bảo vệ.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, chi tiết của tổ văn phòng, điều phối các nhân viên trong tổ có sự hỗ trợ đối với vị trí văn thư trong những giai đoạn cao điểm trong năm học để đảm bảo công việc được trôi chảy, không tồn đọng công việc.

Trong năm 2019 đăng ký cho nhân viên bảo vệ tham gia các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |            | Mức 2   |      | Mức 3   |                |
|---------|------------|---------|------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không | Chỉ báo | Đạt/ | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |

|   | đạt | (Nếu có) | Không đạt | (Nếu có) |           |
|---|-----|----------|-----------|----------|-----------|
| a | Đạt | a        | Đạt       | a        | Đạt       |
| b | Đạt | b        | Đạt       | b        | Không đạt |
| c | Đạt | -        | -         | -        | -         |
|   | Đạt |          | Đạt       |          | Không đạt |

Kết quả: Đạt Mức 2

#### **Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

##### Mức 1

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

##### Mức 2

\* Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp có chuyển biến tích cực

##### Mức 3

\* Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường

#### 1. Mô tả hiện trạng

##### 1.1. Mức 1

Nhà trường có số học sinh người dân tộc thiểu số hàng năm dao động trong khoảng từ 45% đến 50%. Địa bàn tuyển sinh chủ yếu trong xã Tà Nung, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Học sinh theo từng cấp học đảm bảo độ tuổi theo quy định tại điều 37 của Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT. [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Học sinh thực hiện nhiệm vụ, rèn luyện theo chương trình kế hoạch chung của nhà trường, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện, giữ gìn vệ sinh chung, xây dựng cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp. Tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động Đoàn, Đội theo quy định. [H1-1.1-02]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10]

Quyền của học sinh được quy định tại điều 39 của thông tư 12/2011/TT-BGDĐT được đảm bảo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học từng năm của nhà trường. [H1-1.1-02]

##### 1.2. Mức 2

Đối với những trường hợp học sinh vi phạm các điều không được làm được quy định tại điều Điều 41 của thông tư 12/2011/TT-BGDĐT thường được nhắc nhở kịp thời nhằm giúp học sinh thay đổi nhận thức, phát triển theo chiều hướng tích cực. [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]

##### 1.3. Mức 3

Học sinh có thành tích trong các hoạt động chung, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Các cuộc thi do các cấp tổ chức được tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể học sinh trong nhà trường. Giới thiệu gương điển hình tiên tiến trong học tập nhằm tạo động lực cho học sinh tiến bộ và làm gương sáng cho học sinh khác noi theo. [H2-2.4-04]

#### 2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục rèn luyện của học sinh được xây dựng, tổ chức thực hiện chu đáo, đảm bảo kế hoạch đề ra.

Các hoạt động giáo dục, hoạt động của Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được xây dựng trên cơ sở đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Hoạt động phong phú, đa dạng.

Đội ngũ giáo viên bám sát đối tượng học sinh trong hoạt động giáo dục.

### 3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số của trường chiếm tỷ lệ lớn. Trình độ nhận thức, mặt bằng dân trí thấp. Điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn.

Tỷ lệ học sinh bỏ học, học sinh thi lại, học sinh lưu ban hàng năm của nhà trường còn cao so với mặt bằng chung của toàn thành phố.

Học sinh nhận thức chưa cao trong học tập, rèn luyện, cũng như các hoạt động phong trào của Đoàn, Đội.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tất cả các hoạt động trong nhà trường đều được thực hiện theo kế hoạch, trên cơ sở thực tiễn, nhằm mục tiêu phát triển toàn diện học sinh. Đảm bảo công tác tuyển sinh theo vùng, vận động học sinh ra lớp đúng độ tuổi theo quy định. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phổ cập giáo dục trung học cơ sở nhằm nâng cao kết quả công tác giáo dục toàn diện học sinh.

Hoạt động của Đoàn, Đội thực hiện theo đúng hướng dẫn của cấp trên quản lý trực tiếp.

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                | Mức 2   |                | Mức 3   |                |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            | *       | Đạt            | *       | Đạt            |
| b       | Đạt            | -       | -              | -       | -              |
| c       | Đạt            | -       | -              | -       | -              |
| Đạt     |                | Đạt     |                | Đạt     |                |

Kết quả: Đạt Mức 3

## Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh là nguồn lực chủ yếu quyết định chất lượng các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Do vậy, nhà trường luôn xác định công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là giải pháp đột phá, tạo tiền đề cho sự phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục luôn được quan tâm theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu

cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục của địa phương nói riêng và của Nhà nước nói chung.

Để không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, hằng năm nhà trường bố trí cho 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị. Thường xuyên quan tâm xây dựng khối đoàn kết thống nhất và không để xảy ra việc vi phạm đạo đức nhà giáo, quy chế chuyên môn.

Học sinh của nhà trường được tuyển sinh qua kỳ xét tuyển sinh vào lớp 6 và lớp 10 hằng năm đáp ứng yêu cầu theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành về độ tuổi, thực hiện nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử và trang phục theo quy định. Thực hiện nghiêm túc quy định về các hành vi học sinh không được làm.

Tuy nhiên nhà trường còn tồn tại một số điểm yếu cần được giải quyết trong thời gian tới như sau:

Số lượng giáo viên trung học phổ thông trên chuẩn còn thấp

Điều kiện tiếp tục học tập nâng cao trình độ trên chuẩn của giáo viên Trung học phổ thông còn khó khăn.

Việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong nhà trường mới chỉ dừng lại ở các giáo viên cốt cán.

Công tác bảo vệ mới chỉ dừng lại ở việc bảo vệ trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường, an ninh trật tự trong trường, chưa thực hiện tốt việc chăm sóc, tôn tạo cảnh quan. Nhân viên bảo vệ tham gia chưa đầy đủ các lớp bồi dưỡng dành cho công tác bảo vệ.

Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số của trường chiếm tỷ lệ lớn. Trình độ nhận thức, mặt bằng dân trí thấp. Điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn. Học sinh nhận thức chưa cao trong học tập, rèn luyện, cũng như các hoạt động phong trào của Đoàn, Đội.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 4; Mức 2: 3; Mức 3: 1

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Mức 1: 0; Mức 2: 0; Mức 3: 3



### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:** Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học là yếu tố hỗ trợ không thể thiếu đối với hoạt động giáo dục, là yếu tố quan trọng quyết định góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Vì vậy cơ sở vật chất của nhà trường được các cấp đầu tư xây dựng khang trang, thiết bị đồ dùng dạy học được ngành, trường quan tâm đầu tư khá đầy đủ. Trường có cảnh quan sư phạm sạch đẹp, thoáng mát. Nhà trường có nhiều cố gắng trong việc xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp là điều kiện thuận lợi phục vụ dạy - học và nâng cao chất lượng giáo dục.

#### ***Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập***

##### Mức 1

- a) Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh.
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

##### Mức 2

- \* Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

##### Mức 3

- \* Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất  $6\text{m}^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất  $10\text{m}^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

#### 1. Mô tả hiện trạng

##### 1.1. Mức 1

Nhà trường có tường rào bao quanh theo quy định [H3-3.1-03].

Có sân chơi, bãi tập theo quy định

Có diện tích sân chơi bãi tập, khu bãi tập có đầy đủ thiết bị luyện tập thể dục thể thao đảm bảo an toàn [H3-3.1-02].

##### 1.2. Mức 2

Có khuôn viên trường, có cổng và biển tên trường, sân trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khu sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. [H3-3.1-02]

##### 1.3. Mức 3

Diện tích khuôn viên và các yêu cầu về xanh, sạch, đẹp, thoáng mát đảm bảo quy định. Tổng diện tích đang sử dụng là  $6307\text{m}^2$ , bình quân gần  $12,4\text{m}^2$ /học sinh. [H3-3.1-01].

Khối phòng học có 22 phòng, trang trí đẹp, đầy đủ ánh sáng phục vụ tốt cho việc dạy học. Có 02 khu vệ sinh của học sinh và 01 khu vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Có 01 nhà để xe cho học sinh, nhà để xe cho giáo viên [H3-3.1-02].

## 2. Điểm mạnh

Trường được xây dựng và hoàn thiện theo hướng kiên cố, hiện đại đảm bảo tính thẩm mỹ và an ninh trường học.

Cảnh quan sư phạm luôn được tôn tạo, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

## 3. Điểm yếu

Diện tích về bãi tập thể dục thể thao lớn tuy nhiên sân thể dục chưa có mái che chưa đáp ứng đủ nhu cầu các hoạt động tập thể dục thể thao trong nhà trường.

Trường chưa có nhà đa năng.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên tổ chức lao động vệ sinh trường lớp, giữ gìn vệ sinh môi trường, tiếp tục trồng cây xanh, cây hoa tạo môi trường xanh, sạch đẹp trong khuôn viên nhà trường.

Nhà trường có kế hoạch nghiên cứu, bố trí, sắp xếp bãi tập tập thể dục thể thao một cách hợp lý và hiệu quả.

Vận động xã hội hóa để xây dựng nhà đa năng vào năm 2020.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | *       | Đạt               | *       | Đạt               |
| b       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập***

#### Mức 1

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

c) Có phòng hoạt động Đoàn – Đội, thư viện và phòng truyền thống.

## Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

## Mức 3

\* Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Trường có phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H1-1.6-02].

Có đủ phòng học bộ môn theo quy định [H3-3.2-01]; [H1-1.4-05].

Có phòng hoạt động Đoàn – Đội, thư viện và phòng truyền thống [H1-1.6-02].

#### 1.2. Mức 2

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3.3.02.01].

Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định. [H1-1.6-02].

#### 1.3. Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. [H1-1.6-02]. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt. [H3-3.2-01].

### 2. Điểm mạnh

Có đủ phòng học, trang trí đẹp, đầy đủ ánh sáng, cây xanh phục vụ tốt cho việc dạy – học.

Có đầy đủ các phòng làm việc cho các tổ chức chính trị, đoàn thể trong nhà trường. Thư viện trường học đạt chuẩn.

Các phòng học bộ môn đa dạng, phong phú. Phòng thí nghiệm thực hành được trang bị khá đầy đủ, hoạt động thường xuyên và hiệu quả.

### 3. Điểm yếu

Trang thiết bị trường học đảm bảo điều kiện cơ bản cho hoạt động dạy và học, lượng thiết bị bổ sung hàng năm còn ít. Hiện tại một số thiết bị như máy chiếu đã xuống cấp. Thiết bị, hóa chất hết hạn sử dụng chưa được tiêu hủy, thanh lý.

Số lượng đầu sách ở thư viện còn ít, nhất là sách tham khảo.

Phòng truyền thống của nhà trường còn thiết kế chung với một số phòng khác, chưa hình thành phòng riêng.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm đưa việc sử dụng các phòng học bộ môn, sử dụng thiết bị dạy học là yêu cầu bắt buộc đối với giáo viên khi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

Rà soát các tiêu chí xây dựng thư viện tiên tiến để đầu tư trang thiết bị cần thiết như sách, báo, sách tham khảo, hệ thống thông tin cho thư viện trong năm học 2019 – 2020.

Hàng năm tiến hành rà soát thiết bị, hóa chất hết hạn sử dụng để tiến hành thanh lý, tiêu hủy.

Hàng năm rà soát, bổ sung thiết bị dạy học cơ bản cho các bộ môn.

#### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | *       | Đạt               |
| b       | Đạt               | b       | Đạt               | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

#### ***Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị***

##### Mức 1

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

##### Mức 2

\* Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

##### Mức 3

\* Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

#### 1. Mô tả hiện trạng

### 1.1. Mức 1

Nhà trường có 22 phòng học, trong đó có 15 phòng học cho học sinh, 9 phòng học bộ môn và thực hành thí nghiệm. Khối hành chính, quản trị có đầy đủ các phòng làm việc cho từng bộ phận, các tổ chức chính trị, đoàn thể trong nhà trường đảm bảo phục vụ hoạt động chung của nhà trường. [H3-3.2-01]; [H3-3.6-02]

Khu vực để xe của cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường được bố trí phù hợp, khoa học, đảm bảo an toàn, trật tự. [H3-3.2-01]

Các trang thiết bị trong khối hành chính, quản trị được thường xuyên sửa chữa và bổ sung nhằm đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục, hiệu quả để phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường. [H3-3.5-06]; [H3-3.6-02]

### 1.2. Mức 2

Khối hành chính, quản trị có đầy đủ các phòng làm việc cho từng bộ phận, các tổ chức chính trị, đoàn thể trong nhà trường đảm bảo phục vụ hoạt động chung của nhà trường. [H3-3.2-01]; [H3-3.6-02]

### 1.3. Mức 3

Các trang thiết bị trong khối hành chính, quản trị được thường xuyên sửa chữa và bổ sung nhằm đảm bảo đầy đủ để hoạt động thường xuyên, liên tục, hiệu quả để phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường. [H3-3.5-06]; [H3-3.6-02]

## 2. Điểm mạnh

Khối hành chính, quản trị của nhà trường được đầu tư xây dựng kiên cố, đầy đủ. Trang thiết bị của khối đảm bảo đầy đủ đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Việc xây dựng phòng truyền thống chưa có nội dung phong phú.

Trang thiết bị hết niên hạn sử dụng chưa được thanh lý.

Một số thiết bị hiệu quả sử dụng không cao, lãng phí

Khu vực để xe của cán bộ, giáo viên, công nhân viên chưa có mái che.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học tới (2019 – 2020) tiếp tục xây dựng, điều chỉnh, bổ sung lại các vật dụng trong phòng truyền thống.

Hàng năm bộ phận cơ sở vật chất rà soát, xây dựng kế hoạch thanh lý tài sản hết niên hạn sử dụng tham mưu với Hiệu trưởng để thực hiện.

Kế toán tham mưu Hiệu trưởng nguồn kinh phí làm mái che cho khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Thời gian thực hiện trong chu kỳ kiểm định.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | *       | Đạt               | *       | Đạt               |
| b       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

#### Mức 1

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

#### Mức 2

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Nhà trường có ba khu vệ sinh, trong đó có khu vệ sinh dành cho học sinh và một khu vệ sinh dành cho giáo viên. Mỗi khu chia ra nam nữ riêng biệt thuận lợi học sinh và giáo viên sử dụng. [H3-3.2-01]

Nhà trường có hệ thống thoát nước, đảm bảo thoát nước trong mùa mưa không bị ứ đọng. Hệ thống cấp nước gồm ba nguồn nước sử dụng là nước giếng, nước sạch, nước uống. [H3-3.4-01]

Rác thải hàng ngày được xử lý bằng cách đốt và chôn, đảm bảo vệ sinh an toàn. Hồ rác cách xa lớp học 70 mét. [H3-3.2-01]

#### 1.2. Mức 2

Các khu vệ sinh dành cho các khối lớp và giáo viên riêng biệt, phù hợp và thuận lợi cho học sinh và giáo viên sử dụng. Các khu vệ sinh được làm vệ sinh sạch sẽ. [H3-3.2-01]

Nhà trường có hệ thống thoát nước, đảm bảo thoát nước trong mùa mưa không bị ứ đọng. Hệ thống cấp nước gồm ba nguồn nước sử dụng là nước giếng, nước sạch, nước uống. Hệ thống nước sạch được cấp bởi công ty cấp thoát nước Lâm Đồng. Hệ thống nước uống cho học sinh được hợp đồng phân phối bởi công ty tư nhân LALEWA .[H3-3.4-01]; [H3-3.4-03]

Rác thải hàng ngày được xử lý bằng cách đốt và chôn, đảm bảo vệ sinh an toàn, có thiết bị vận chuyển, thu gom rác thải hàng ngày từ các phòng học đến sân trường. Hồ rác cách xa các dãy lớp học 70 mét [H3-3.2-01]

## 2. Điểm mạnh

Hệ thống nhà vệ sinh đầy đủ, bố trí phù hợp, thuận lợi cho việc sử dụng.

Hệ thống cấp, thoát nước đầy đủ cho hoạt động trong nhà trường.

Hệ thống thu, gom, xử lý rác thải phù hợp, thuận lợi trong quá trình xử lý rác thải hàng ngày trong nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Hệ thống thoát nước chưa đồng bộ, chất lượng chưa cao. Hệ thống thu gom rác thải, còn thủ công. Ý thức tự thu gom, phân loại rác thải của học sinh chưa cao.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tu sửa nhà vệ sinh của học sinh trong năm 2019-2020.

Đoàn-Đội thực hiện hướng dẫn, phân công, theo dõi học sinh trong việc thu gom rác thải hàng ngày. Hướng dẫn học sinh phân loại rác thải theo đúng quy định.

Giáo viên chủ nhiệm giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh cho học sinh trong từng lớp.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                | Mức 2   |                | Mức 3   |                |
|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
| Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt | Chỉ báo | Đạt/ Không đạt |
| a       | Đạt            | a       | Đạt            | -       | -              |
| b       | Đạt            | b       | Đạt            | -       | -              |
| c       | Đạt            | -       | -              | -       | -              |
| Đạt     |                | Đạt     |                | Đạt     |                |

Kết quả: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị***

Mức 1

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

## Mức 2

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

## Mức 3

\* Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Nhà trường được trang bị đầy đủ trang thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường (máy photo, máy in máy tính, mạng internet ...). Có đầy đủ thiết bị dạy học theo danh mục thiết bị dạy học theo quy định. Bên cạnh đó hàng năm nhà trường bổ sung trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động dạy học đáp ứng yêu cầu giáo dục. [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03]

#### 1.2. Mức 2

Hiện tại nhà trường có một phòng máy tính phục vụ hoạt động dạy học. Các máy tính ở các phòng làm việc của cá nhân, tổ chức đoàn thể trong nhà trường được kết nối Internet phục vụ cho hoạt động giáo dục trong nhà trường. [H3-3.5-03].

Trang thiết bị dạy học được cấp theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu được trang bị ở tất cả các phòng học bộ môn. Thiết bị được sử dụng thường xuyên, được bổ sung hàng năm. [H3-3.5-02]

#### 1.3. Mức 3

Thiết bị dạy học được giáo viên đưa vào sử dụng thường xuyên, hiệu quả qua đó nâng dần chất lượng giáo dục của nhà trường. [H3-3.5-07]

### 2. Điểm mạnh



Trang thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ. Hệ thống phòng học bộ môn đa dạng, đầy đủ, sạch đẹp.

Thiết bị dạy học được bổ sung hàng năm tương đối đầy đủ.

### 3. Điểm yếu

Thiết bị dạy học hết hạn sử dụng còn tồn đọng. Việc cấp, mua bổ sung thiết bị dạy học còn thiếu hàng năm chưa kịp thời. Việc bảo dưỡng thiết bị dạy học chưa được quan tâm.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện kế hoạch xử lý, tiêu hủy, thanh lý thiết bị dạy học hết hạn sử dụng theo đúng quy định hiện hành trong năm 2019. Hàng năm các tổ chuyên môn đăng ký bổ sung thiết bị dạy học cần thiết trong năm học đảm bảo kịp thời.

Thời gian thực hiện : Năm học 2019- 2020

### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | *       | Đạt               |
| b       | Đạt               | B       | Đạt               | -       | -                 |
| c       | Đạt               | c       | Đạt               | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

#### Mức 1

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

#### Mức 2

\* Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

#### 1. Mô tả hiện trạng

##### 1.1. Mức 1

Thư viện trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

## 1.2. Mức 2

Thư viện trường đạt thư viện trường học đạt chuẩn [H3-3.6-01]

## 2. Điểm mạnh

Việc quản lý và tổ chức phục vụ của thư viện đáp ứng được đa số yêu cầu của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh.

Thư viện có đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cơ bản, các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ kịp thời được nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh.

Quản lý hành chính đã được cải cách, trường xây dựng được trang Web riêng đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin kịp thời.

Thư viện đạt thư viện chuẩn trường phổ thông.

## 3. Điểm yếu

Giáo viên và học sinh ít tham khảo sách báo. Số đầu sách tham khảo của thư viện còn ít.

Hệ thống công nghệ thông tin đầu tư cho thư viện chưa cao.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thời gian thực hiện: Năm học 2018- 2019

Có kế hoạch bổ sung tài liệu phục vụ thư viện cho năm học 2018 – 2019 và những năm tiếp theo.

Cán bộ quản lý thư viện tham mưu với Hiệu trưởng thực hiện có hiệu quả kế hoạch liên kết với thư viện tỉnh tổ chức các chương trình, hoạt động nhằm thu hút học sinh đến thư viện.

Xây dựng viện tiên tiến trong năm học 2018 - 2019

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | -       | -                 |
| b       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

## Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Cơ sở vật chất của nhà trường được các cấp đầu tư xây dựng theo hướng hiện đại đáp ứng được yêu cầu giáo dục. Khuôn viên thoáng mát, cảnh quan sạch đẹp, an toàn.

Trang thiết bị, đồ dùng dạy học được ngành, trường quan tâm đầu tư. Việc cập nhật tài sản, bảo quản, sử dụng được thực hiện đúng quy định. Đa số thiết bị đồ dùng dạy học được khai thác và sử dụng hiệu quả.

Tình hình khai thác, sử dụng mạng Internet đem lại hiệu quả cao trong công tác quản lý và dạy học.

Hoạt động của Thư viện đảm bảo được việc quản lý chặt chẽ, tổ chức khoa học và phục vụ kịp thời. Thư viện đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập trong nhà trường.

Tuy nhiên nhà trường còn tồn tại một số điểm yếu cần thực hiện trong thời gian tới như:

Trang thiết bị trường học đảm bảo điều kiện cơ bản cho hoạt động dạy và học, lượng thiết bị bổ sung hàng năm còn ít. Hiện tại một số thiết bị như máy chiếu đã xuống cấp. Thiết bị, hóa chất hết hạn sử dụng chưa được tiêu hủy, thanh lý.

Số lượng đầu sách ở thư viện còn ít nhất là sách tham khảo.

Phòng truyền thống của nhà trường còn thiết kế chung với một số phòng khác, chưa hình thành phòng riêng. Khu vực để xe của cán bộ, giáo viên, công nhân viên chưa có mái che.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 6; Mức 2: 6; Mức 3: 6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Mức 1: 0; Mức 2: 0; Mức 3: 0

## **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:** Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập, cơ cấu và hoạt động theo đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là mối quan hệ mật thiết góp phần nâng cao công tác giáo dục học sinh trong nhà trường. Chính vì vậy Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển toàn diện toàn diện học sinh.

### ***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh***

#### Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định theo điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ.

#### Mức 2

\* Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp

#### Mức 3

\* Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu công khai, dân chủ hàng năm theo đúng quy định và điều lệ (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 /11 /2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Ban đại diện cha mẹ học sinh của Trường có 05 thành viên. Ban đại diện CMHS của lớp có 03 thành viên; có quyền, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Đầu năm học Ban chấp hành cha mẹ học sinh lên kế hoạch hoạt động cụ thể cho năm học. [H4-4.1-02].

Định kỳ, nhà trường tổ chức các cuộc họp với cha mẹ học sinh [H4-4.1-04]. Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh; nhà trường góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Thông qua các buổi họp giáo viên chủ nhiệm hằng tháng để thông báo tình của các lớp trong tháng để có hướng giải quyết một cách hiệu quả các trường hợp học sinh vi phạm nội qui trường lớp giúp học sinh ngày càng tiến bộ đảm bảo kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đúng tiến độ [H4-4.1-03].

### 1.2. Mức 2

Nhà trường thường xuyên phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh và tạo điều kiện thuận lợi để cha mẹ học sinh thực hiện đúng nghị quyết đã đề ra từ đầu năm học. Hàng tháng Ban đại diện cha mẹ học sinh trường họp một lần cùng với Ban giám hiệu để rà soát công tác phối hợp [H1-4.1-03]

### 1.3. Mức 3

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, thể hiện trong báo cáo hoạt động cuối năm của Ban [H4-4.1-03].

## 2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được tổ chức, hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Sự phối hợp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với giáo viên chủ nhiệm và nhà trường đã góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục học sinh.

## 3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp hoạt động chưa đều và ít chủ động trong công việc.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hướng dẫn giáo viên chủ nhiệm bầu chọn phụ huynh có năng lực, nhiệt tình và có điều kiện về thời gian, hiểu biết về giáo dục vào Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp để phối hợp tốt với giáo viên chủ nhiệm và nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh.

Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong nhà trường để thực đúng quy định của Ban đại diện cha mẹ học sinh, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

## 5. Tự đánh giá

|       |       |       |
|-------|-------|-------|
| Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
|-------|-------|-------|

| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| a       | Đạt               | *       | Đạt               | *       | Đạt               |
| b       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

\* Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

Nhà trường tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương nhằm tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. [H4-4.2-01]

Thông qua các cuộc họp Phụ huynh học sinh và trang thông tin của nhà trường, tiếp công dân, nhà trường đã thực hiện công tác thông tin đến với xã hội về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường đối với địa phương. [H4-4.1-02]

Đối với nhà trường không có khoản thu ngoài nào khác theo quy định. Việc huy động các nguồn lực ngoài xã hội nhằm đầu tư và phát triển nhà trường được thực hiện theo đúng quy định. Phối hợp có hiệu quả với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để tạo nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính, quỹ xã hội hoá, quỹ khuyến học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Các tổ chức nghề nghiệp, cán bộ giáo viên trong trường hàng năm ủng hộ cho Hội Chữ thập đỏ nhà trường để trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học hoặc những học sinh có hoàn cảnh khó khăn và các học sinh mắc bệnh hiểm nghèo. Nhiều cơ quan, doanh nghiệp, mạnh thường quân thường xuyên giúp đỡ về vật chất và tinh thần đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn. [H1-1.1-02]; [H4-4.1-03]

## Mức 2

Cấp ủy, chi bộ Nhà trường tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương nhằm tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. [H4-4.2-01]

Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. [H4-4.2-02]; [H4-4.2-05]

## 1.3. Mức 3

Cấp ủy, chi bộ, Nhà trường có mối quan hệ mật thiết với các cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. [H4-4.2-01]; [H4-4.2-04]

## 2. Điểm mạnh

Hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục được duy trì thường xuyên có tác dụng thiết thực trong giáo dục truyền thống, giáo dục nhân cách và đạo đức, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

## 3. Điểm yếu

Nhà trường mới chỉ vận động sự ủng hộ về vật chất của các cơ quan, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm... để trao học bổng cho học sinh có tinh thần vượt khó, chưa quan tâm đúng mức về công tác xã hội hóa giáo dục.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm tiến hành sơ kết, tổng kết riêng về sự phối hợp giữa nhà trường với các đoàn thể, tổ chức, cá nhân để thể hiện sự trân trọng, ghi nhận và tri ân đối với các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Huy động sự ủng hộ của các doanh nghiệp trên địa bàn, cũng như sự ủng hộ của các trường trên địa bàn.

#### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | *       | Đạt               |
| b       | Đạt               | b       | Đạt               | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Thực hiện chủ trương “Sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội”, nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội, bước đầu phát huy được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của toàn xã hội.

Nhà trường đã quan tâm phối hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường. Hội cha mẹ học sinh đã phát huy tác dụng trong việc phối kết hợp giáo dục học sinh.

Nhà trường đã chú trọng đến công tác giáo dục truyền thống lịch sử văn hoá dân tộc góp phần trong việc giáo dục toàn diện học sinh.

Tuy nhiên, hạn chế của các Ban đại diện cha mẹ học sinh ở các lớp hoạt động chưa đều tay. Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp hoạt động chưa đều và ít chủ động trong công việc.

Việc huy động nguồn lực ngoài nhà trường góp phần xây dựng nhà trường chưa nhiều.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 2; Mức 2: 2; Mức 3: 2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Mức 1: 0; Mức 2: 0; Mức 3: 0



## **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

### **Mở đầu**

Nhà trường thực hiện tốt chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương, nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém, tham gia các cuộc thi theo quy định cũng như hướng dẫn của cấp trên. Đội ngũ giáo viên tích cực, chủ động đổi phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh. Nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, bảo vệ và vệ sinh môi trường thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Kết quả xếp loại hạnh kiểm và hoạt động giáo dục nghề phổ thông và hoạt động giáo dục hướng nghiệp của học sinh hằng năm đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

### ***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông***

#### Mức 1

a) Tổ chức dạy học đúng đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu dạy học.

b) Vận dụng các phương pháp kỹ thuật dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn

c) Các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

#### Mức 2

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b) Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

#### Mức 3

\* Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

## 1. Mô tả hiện trạng

### 1.1. Mức 1

Trường đã tổ chức dạy học đúng đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu dạy học. [H1-1.4-03]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]

Nhà trường và giáo viên đã vận dụng các phương pháp kỹ thuật dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; Bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. [H5-5.1-01]; [H5-5.1-04]

Nhà trường đã vận dụng các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. [H5-5.1-03]

### 1.2. Mức 2

Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. [H1-1.1-03]; [H1-1.1-02]; [H1-1.4-03]; [H5-5.1-02]

Công tác bồi dưỡng học sinh khá giỏi, năng khiếu được thực hiện hàng năm, các tổ chuyên môn phát hiện nguồn và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo quy định. Hàng năm nhà trường đều có học sinh đạt kết quả học sinh giỏi cấp thành phố, tỉnh. [H5-5.2-02]

Tỷ lệ học sinh yếu kém của nhà trường còn cao so với toàn thành phố. Ngay từ đầu từng năm học nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn rà soát lập danh sách học sinh thuộc diện yếu kém để tăng cường công tác phụ đạo, phụ kém cho học sinh. [H5-5.2-01]

### 1.3. Mức 3

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo, sở Giáo dục và Đào tạo ban hành, cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh trong trường đều có ý thức

ng nghiêm chỉnh thực hiện thời gian, kế hoạch năm học theo công văn hướng dẫn của cấp trên.

Kế hoạch năm học của trường đã thể hiện được mục tiêu giáo dục toàn diện trong nhà trường

Thực hiện các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá cụ thể, sát với tình hình các hoạt động giáo dục của nhà trường. Hàng tháng Hiệu trưởng đánh giá nhận xét ưu khuyết điểm về các mặt hoạt động trong nhà trường một cách cụ thể

Thường xuyên phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tham gia thi học sinh giỏi và đạt thành tích ở hội thi học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh. Công tác phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện đã được triển khai từ đầu năm, bám sát đối tượng.

### 3. Điểm yếu

Kế hoạch chuyên môn của nhà trường chưa cụ thể hóa chỉ tiêu các hoạt động giáo dục trong năm học. Kế hoạch một số tổ chưa đầy đủ nội dung và sát với việc chỉ đạo thực hiện do trong các tổ trên có tổ trưởng mới được bổ nhiệm

Việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hàng tháng của một số tổ chưa kịp thời.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch năm học cần cụ thể hóa từng mục, từng nội dung, đề ra chỉ tiêu đăng ký chất lượng bộ môn, thống nhất chỉ tiêu phấn đấu: Tăng tỉ lệ học sinh khá giỏi, giảm tỉ lệ học sinh trung bình, yếu, không có học sinh kém.

Việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng công tác cho đội ngũ tổ trưởng, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ bám sát kế hoạch trường, tập trung vào nội dung và các biện pháp sinh hoạt chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường sinh hoạt chuyên đề theo hướng cải cách, lồng ghép, tích hợp, dạy học theo hướng phát triển năng lực.

Hàng tháng và từng học kỳ trường, các bộ phận chuyên môn có kế hoạch kiểm tra đánh giá, rút kinh nghiệm một cách toàn diện, khoa học việc thực hiện các kế hoạch đề ra, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch kiểm tra trong thời gian tới.

Bộ phận chuyên môn của trường đầu tư xây dựng kế hoạch với những nội dung và giải pháp tích cực nhằm thúc đẩy phong trào dạy và học trong nhà trường đạt kết quả cao nhất, hoàn thành kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường sau khi hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.

### 5. Tự đánh giá

|       |       |       |
|-------|-------|-------|
| Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
|-------|-------|-------|

| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | *       | Đạt               |
| b       | Đạt               | b       | Đạt               | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện***

Mức 1

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2

\* Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

Nhà trường có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được thể hiện chủ yếu qua các tiết học phụ kém, các tiết học năng khiếu [H1-1.1-02]. Theo đó, nhà trường cũng chú trọng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H1-1.5-02]. Hằng năm nhà trường thường xuyên rà soát đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H1-1.1-02].

1.2. Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. [H1-1.1-02].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch và chú tâm đến tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Những học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm từ vật chất lẫn tinh thần, luôn có kế hoạch giáo dục chuyên biệt.

## 3. Điểm yếu

Học sinh có năng khiếu còn chưa được phát huy khả năng đúng mực.

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn (một số học sinh dân tộc thiểu số còn ỷ lại vào sự giúp đỡ) nên kết quả học tập và rèn luyện chưa thực sự có kết quả cao.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thời gian thực hiện: Năm học 2018- 2019

Xây dựng kế hoạch bổ sung chương trình đào tạo cho học sinh có năng khiếu đặc biệt. Tạo môi trường thuận lợi để các em phát huy năng khiếu của mình.

Xác định nâng cao chất lượng học sinh dân tộc thiểu số là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Từ đó xây dựng và thực hiện kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học đảm bảo nâng dần chất lượng giáo dục học sinh nhà trường nói chung và học sinh dân tộc thiểu số nói riêng.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | *       | Đạt               | -       | -                 |
| b       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định***

#### Mức 1

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

## Mức 2

\* Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục-Đào tạo (quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GD&ĐT V/v thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông từ năm học 2008-2009. [H5-5.1-02]

Nhà trường, tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định trong hồ sơ sổ sách cũng như trong tiết dạy. [H1-1.7-02]

Mỗi năm học, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu nội dung địa phương. [H1-1.1-02]; [H1-1.4-04]

#### 1.2. Mức 2

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục-Đào tạo (quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GD&ĐT V/v thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp THCS và cấp THPT từ năm học 2008-2009 và hướng dẫn dạy học các bộ môn của Sở GD&ĐT Lâm Đồng năm học 2016-2017). [H5-5.1-02], sự chỉ đạo của Sở Giáo dục-Đào tạo Lâm Đồng bên cạnh các nội dung được quy định, trường chỉ đạo giáo viên tăng cường lồng ghép các vấn đề thực tiễn vào bài dạy làm tăng tính sinh động và gắn gũi của kiến thức lý thuyết với thực tiễn xung quanh. [H5-5.1-05]

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường chỉ đạo giáo viên ở tất cả các bộ môn làm tốt việc lồng ghép, tích hợp các vấn đề thực tiễn vào bài dạy làm sinh động, gắn gũi và “mềm hóa” kiến thức.

Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn Địa lý, Lịch sử thực hiện đầy đủ các tiết giáo dục địa phương theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tích hợp với hoạt động ngoại khóa, dã ngoại.

### 3. Điểm yếu

Giáo dục Địa lý, Lịch sử địa phương trên diện rộng tỉnh Lâm Đồng, ít có thời gian để giảng dạy địa phương hẹp (trên địa bàn xã Tà Nung).

Một số giáo viên chưa chú ý nhiều đến việc lồng ghép, tích hợp; lồng ghép chưa hợp lý; chưa nắm bắt được nhiều về kiến thức địa phương.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục chỉ đạo lồng ghép, hướng dẫn cho giáo viên cách lồng ghép cho phù hợp với nội dung bài dạy thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn và dự giờ lên lớp.

Giáo viên bộ môn tăng cường tìm kiếm thông tin trên mạng và dựa vào tài liệu “Địa chí Lâm Đồng” và Lịch sử Đảng Bộ Thành phố Đà Lạt để biên soạn nội dung sát hợp với lịch sử và địa lý của địa phương.

Tổ chức tham quan, ngoại khóa để giáo dục truyền thống địa phương cho học sinh như tham quan bảo tàng Lâm Đồng...

#### 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | *       | Đạt               | -       | -                 |
| b       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

#### ***Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp***

##### Mức 1

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

##### Mức 2

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

##### 1. Mô tả hiện trạng

### 1.1. Mức 1

Nhà trường đã tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. [H5-5.4-01]

Nhà trường đã tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho 4 khối lớp từ khối 9 đến khối 12 đúng chủ đề, thời lượng, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H5-5.5-01], tổ chức học nghề phổ thông cho học sinh khối 11 (phối hợp với TTGD TX Đà Lạt). [H5-5.4-02]. Hàng năm nhà trường đã phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp để tư vấn chọn ngành nghề cho học sinh khối 12 trước khi học sinh đăng ký chọn ngành nghề và khối thi.

Trong các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhà trường đã có sự tham gia tích cực của giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia. [H5-5.4-01]

### 1.2. Mức 2

Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hướng nghiệp nhà trường tổ chức với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực. [H5-5.5-01]

Các ngành nghề hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: tin học văn phòng và nghề làm vườn. [H5-5.4-02]

Hàng năm nhà trường đều rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. [H1-1.1-02]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường hàng năm đều xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và giáo dục nghề phổ thông ngay từ đầu năm học.

Trường tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.

Tỷ lệ học sinh tham gia học nghề và kết quả xếp loại học nghề của học sinh đạt 100%

## 3. Điểm yếu

Hoạt động trải nghiệm chưa thực sự gắn với từng chủ đề của giáo dục hướng nghiệp.

Giáo dục hướng nghiệp thực hiện theo định hướng chương trình chung, chưa gắn với thực tiễn địa phương.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch thực hiện trải nghiệm sáng tạo gắn liền với hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm mục đích tư vấn nghề nghiệp, định hướng nghề cho học sinh, gắn với thực tiễn địa phương.



## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | -       | -                 |
| b       | Đạt               | b       | Đạt               | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

### ***Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh***

#### Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

#### Mức 2

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

#### Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### 1.1. Mức 1

Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. [H1-1.7-07]; [H1-1.8-01].

Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục. [H5-5.1-03]; [H5-5.5-02]

Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. [H5-5.1-03]; [H5-5.5-02]

## 1.2. Mức 2

Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện. [H5-5.5-01]

Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển [H5-5.5-02]

## 1.3. Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn. [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức tốt giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất và tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, thông qua các buổi ngoại khóa, tích hợp bộ môn (Ngữ văn, Sinh học, Giáo dục công dân)

## 3. Điểm yếu

Việc giáo dục các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác theo nhóm cho học sinh chưa đạt hiệu quả cao.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường lập kế hoạch cử giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt đi học và tập huấn các lớp về giáo dục kỹ năng sống về giáo dục, truyền thụ lại cho học sinh.

Tăng cường công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, các ban ngành của xã và thành phố nhằm làm tốt công tác tư vấn.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |                   | Mức 2   |                   | Mức 3   |                   |
|---------|-------------------|---------|-------------------|---------|-------------------|
| Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt | Chỉ báo | Đạt/<br>Không đạt |
| a       | Đạt               | a       | Đạt               | *       | Đạt               |
| b       | Đạt               | b       | Đạt               | -       | -                 |
| c       | Đạt               | -       | -                 | -       | -                 |
| Đạt     |                   | Đạt     |                   | Đạt     |                   |

Kết quả: Đạt Mức 3

**Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục**

Mức 1

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường: [H5-5.1-03]

Về học lực:

Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình trở lên: Trung học cơ sở: 90,4%; Trung học phổ thông: 84%; Tổng: 87,2%;

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá: Trung học cơ sở: 27,8%; Trung học phổ thông: 48,5%; Tổng: 38,15%: Đạt;

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi: Trung học cơ sở: 13,4; Trung học phổ thông: 11%; Tổng: 12,6%; Đạt

Về hạnh kiểm:

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá, tốt đạt: Trung học cơ sở: 96,6%; Trung học phổ thông 85,72%: Tổng: 95.19%:

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường: Tỷ lệ tốt nghiệp Trung học cơ sở (100%), tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông (100%) tương đối ổn định hàng năm. [H5-5.1-03]

Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. [H1-1.1-02]

## 1.2. Mức 2

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. [H5-5.1-03]

Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. [H5-5.1-03]

## 1.3. Mức 3

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh chưa đạt được theo quy định của mức 3. [H5-5.1-03]

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: Tỷ lệ học sinh bỏ học (0,6%) và lưu ban (0,9%), đạt so với quy định. [H5-5.1-03]

## 2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá và giỏi đạt so với quy định.

Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức luôn được quan tâm. Nhà trường thường xuyên phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường để giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống cho học sinh.

## 3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình trở lên chưa đạt so với quy định.

Vẫn còn một số học sinh vi phạm nội quy nhà trường và Điều lệ trường trung học nên hạnh kiểm xếp loại trung bình.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện có hiệu quả công tác phụ đạo học sinh yếu, kém, bồi dưỡng học sinh giỏi và đổi mới phương pháp dạy học để phù hợp với đối tượng học sinh.

Tiếp tục phối hợp với các lực lượng: Công an, Phường xã, Đoàn thanh niên, gia đình học sinh... để giáo dục học sinh bằng những nội dung và hình thức phù hợp.

Tiếp tục quán triệt quy chế đến từng học sinh trước mỗi kỳ kiểm tra.

Nâng cao chất lượng giờ sinh hoạt chủ nhiệm, tăng cường việc phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với phụ huynh học sinh có con em chưa ngoan để tư vấn cho phụ huynh trong việc giáo dục con em ở nhà. Nâng cao vai trò của tổ tư vấn tâm lý học đường.

## 5. Tự đánh giá

| Mức 1   |      | Mức 2   |      | Mức 3   |      |
|---------|------|---------|------|---------|------|
| Chỉ báo | Đạt/ | Chỉ báo | Đạt/ | Chỉ báo | Đạt/ |

|     |           |     |           |           |           |
|-----|-----------|-----|-----------|-----------|-----------|
|     | Không đạt |     | Không đạt |           | Không đạt |
| a   | Đạt       | a   | Đạt       | a         | Không đạt |
| b   | Đạt       | b   | Đạt       | b         | Đạt       |
| c   | Đạt       | -   | -         | -         | -         |
| Đạt |           | Đạt |           | Không đạt |           |

Kết quả: Đạt Mức 2

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Hằng năm, để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, nhà trường đã thực hiện kế hoạch thời gian năm học theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở triển khai kế hoạch giảng dạy và học tập các môn học đúng theo phân phối chương trình, kết hợp giữa việc thực hiện tốt chủ đề năm học với tích cực hưởng ứng các cuộc vận động, phong trào thi đua của Ngành. Tăng cường hoạt động dự giờ, thao giảng, hội giảng, thi giáo viên giỏi các cấp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học; viết giải pháp hữu ích về các hoạt động giáo dục để nâng cao chất lượng dạy và học nhằm tạo bước phát triển ổn định và bền vững.

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được thực hiện đúng chủ đề và thời lượng của từng khối lớp theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giúp rèn luyện các kỹ năng sống, ứng xử, giao tiếp và hình thành nhân cách cho học sinh. Các hoạt động giáo dục thể chất, y tế trường học được thực hiện thông qua giảng dạy bộ môn thể dục, hội khỏe các cấp và các hoạt động thể thao nhằm rèn luyện thể chất cho học sinh.

Về giáo dục địa phương, nhà trường triển khai nội dung giáo dục địa phương chủ yếu ở các môn Lịch sử, Địa lý, Công nghệ, Giáo dục công dân theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong các năm gần đây, ý thức chấp hành pháp luật, nội quy trường lớp của học sinh có chuyển biến rõ rệt. Trong năm học qua kết quả xếp loại hạnh kiểm từ khá trở lên luôn đạt trên 90%, học lực từ trung bình trở lên đạt trên 80%. Nhà trường không có học sinh vi phạm các vụ việc nghiêm trọng, bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Chất lượng học lực từ trung bình trở lên và số học sinh khá giỏi có

chiều hướng tăng. Kết quả học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm giữ vững ở tỷ lệ trên 95%, tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở trên 98%, luôn vượt mặt bằng của tỉnh . Hoạt động giáo dục nghề phổ thông - hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số học sinh tham gia học nghề phổ thông và kết quả từ trung bình trở lên đạt cao. Hằng năm học sinh khối 12 được tư vấn chọn ngành phù hợp dự thi vào các trường đại học, cao đẳng.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm yếu cần khắc phục trong thời gian tới như:

Kế hoạch chuyên môn của nhà trường chưa cụ thể hóa chỉ tiêu các hoạt động giáo dục trong năm học.

Kế hoạch một số tổ chưa đầy đủ nội dung và sát với việc chỉ đạo thực hiện do trong các tổ trên có tổ trưởng mới được bổ nhiệm

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn (một số học sinh dân tộc thiểu số còn ỷ lại vào sự giúp đỡ) nên kết quả học tập và rèn luyện chưa thực sự có kết quả cao.

Giáo dục hướng nghiệp thực hiện theo định hướng chương trình chung, chưa gắn với thực tiễn địa phương.

Việc giáo dục các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác theo nhóm cho học sinh chưa đạt hiệu quả cao

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1: 6; Mức 2: 1; Mức 3: 5

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: Mức 1: 0; Mức 2: 0; Mức 3: 1

## II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

### Tiêu chí 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, hằng năm có điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương [H1-1.1-01] đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trong địa bàn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Tuy nhiên trường đóng trên địa bàn kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn. Trình độ tiếp thu của học sinh còn nhiều hạn chế, kế hoạch phát triển nhà trường chưa đáp ứng hết yêu cầu phát triển địa phương, chưa có nội dung tham khảo các nước có nền giáo dục tiên tiến trong khu vực. [H1-1.1-01]

#### 2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường hằng năm đều đạt những mục tiêu cơ bản đề ra. Kế hoạch phát triển giáo dục xây dựng trên cơ sở đảm bảo phù hợp với thực tiễn địa phương.

#### 3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chỉ dừng lại ở việc đảm bảo yêu cầu thực tiễn địa phương, còn thấp so với mặt bằng chung của toàn thành phố. Các chỉ tiêu về phát triển đội ngũ giáo viên, học sinh còn thấp.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từng bước nâng cao chỉ tiêu kế hoạch giáo dục hằng năm đáp ứng yêu cầu chung của thành phố. Từng bước đưa vào chiến lược phát triển nhà trường những nội dung tiên tiến, phù hợp với sự phát triển nhà trường.

#### 5. Tự đánh giá: Không đạt

### Tiêu chí 2:

Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường hằng năm xây dựng trên cơ sở hướng dẫn của cấp trên và phù hợp với tình hình thực tiễn nhà trường. Tuy nhiên cuối năm tỷ

lệ học sinh sắp loại học lực yếu, kém hàng năm còn cao so với mặt bằng chung của toàn thành phố. [H1-1.1-02]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch và chú tâm đến tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Những học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm từ vật chất lẫn tinh thần, luôn có kế hoạch giáo dục chuyên biệt.

## 3. Điểm yếu

Chưa có kế hoạch riêng biệt giáo dục cho đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là học sinh có năng khiếu cho từng cá nhân học sinh của đối tượng này.

Chưa huy động các cá nhân, tổ chức ngoài nhà trường tham gia thực hiện kế hoạch giáo dục cho đối tượng học sinh trên.

Ý thức học tập, rèn luyện của phần lớn học sinh thuộc diện khó khăn còn thấp, nên kết quả học tập và rèn luyện chưa thực sự có kết quả cao.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian tới, Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện được các công việc sau:

Phân loại đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu cụ thể ở một số lĩnh vực.

Tập trung xây dựng thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp cho từng đối tượng học sinh cả về vật chất và trong học tập. Về vật chất huy động các nguồn lực trong và ngoài nhà trường dành nguồn tài chính để giúp đỡ học sinh để học sinh đến trường, không bỏ học giữa chừng. Về giáo dục các môn văn hóa tạo điều kiện, khuyến khích học sinh trong học tập, nêu gương điển hình học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên học tập tốt để giáo dục nhận thức cho học sinh khác trong toàn trường. Kế hoạch giáo dục, dạy học, kiểm tra, đánh giá phải phù hợp, sát với đối tượng học sinh yếu, kém. Phối hợp đồng bộ giữa giáo dục nhận thức và giúp đỡ khó khăn để giúp học sinh tiến bộ.

Đối với học sinh có năng khiếu. Trong thời gian tới hiệu trưởng chỉ đạo tiến hành rà soát, phát hiện đối tượng học sinh, tổ chức bồi dưỡng để học sinh phát triển đúng hướng, đúng năng lực, sở trường. Hiệu trưởng chú ý việc huy động nguồn lực ngoài nhà trường góp phần phát triển học trong nhóm đối tượng này.

## 5. Tự đánh giá: Không đạt



### **Tiêu chí 3:**

Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn của nhà trường. Trong 05 năm gần đây hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật được triển khai thực hiện trong nhà trường. Tuy nhiên số lượng học sinh tham gia còn ít, số lượng đề tài còn hạn chế, chưa phong phú về lĩnh vực nghiên cứu. Chủ yếu là lĩnh vực khoa học xã hội hành vi. Chưa có đề tài ở các mảng khác. Trong hai năm 2017-2018 và 2018-2019 nhà trường có 02 giải cấp tỉnh và 04 giải cấp trường. [H2-2.2-05]

Việc vận dụng kiến thức các môn học vào giải quyết các vấn đề thực được nhà trường triển khai thực hiện bằng cuộc thi của cấp tỉnh, quốc gia. Trong đó có 2 năm liền đạt cấp quốc gia ở cuộc thi này. Tuy nhiên về tổng thể đối với toàn bộ học sinh thì việc vận dụng này còn hạn chế.

#### **2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có giáo viên làm công tác hướng dẫn nghiên cứu khoa học kỹ thuật có kinh nghiệm.

#### **3. Điểm yếu:**

Số lượng giáo viên có kiến thức hướng dẫn nghiên cứu khoa học còn ít. Trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ cho học sinh chưa đáp ứng. Trình độ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cơ bản hoạt động nghiên cứu khoa học. Lĩnh vực nghiên cứu còn hẹp.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Tổ chức chọn, đào tạo nâng cao trình độ cho giáo viên về hoạt động hướng dẫn nghiên cứu khoa học, công nghệ cho học sinh nói riêng. Nâng dần trình độ trên chuẩn cho giáo viên trung học phổ thông nói chung. Thời gian thực hiện trong chu kỳ kiểm định nâng tỷ lệ giáo viên trung học phổ thông trên chuẩn 7%.

#### **5. Tự đánh giá: Không đạt**

#### **Tiêu chí 4:**

Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

##### 1. Mô tả hiện trạng

Thư viện nhà trường được trang bị số lượng đầu sách đảm bảo đáp ứng yêu cầu cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Thư viện nhà trường chưa có nguồn tài liệu số. Chưa có hệ thống máy tính kết nối Internet băng thông rộng phục vụ bạn đọc. [H3-3.6-01]

##### 2. Điểm mạnh:

Việc quản lý và tổ chức phục vụ của thư viện đáp ứng được đa số yêu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện có đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cơ bản, các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ kịp thời được nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện đạt thư viện chuẩn trường phổ thông.

##### 3. Điểm yếu:

Giáo viên và học sinh ít tham khảo sách báo. Số đầu sách tham khảo của thư viện còn ít.

Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin thư viện còn thấp

##### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Dành nguồn kinh phí phù hợp hàng năm nhằm nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin cho thư viện

##### 5. Tự đánh giá: Không đạt

#### **Tiêu chí 5:**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

##### 1. Mô tả hiện trạng

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục và đáp ứng với phát triển kinh tế, xã hội hiện nay [H1-1.1-01]; Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường. [H1-1.1-04]. Việc thực hiện các chỉ tiêu được đề ra trong chiến

lược phát triển nhà trường chưa được đánh giá hàng năm. Nên còn một số chỉ tiêu chưa hoàn thành. [H1-1.1-02]

## 2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển được xây dựng bằng văn bản xác định rõ mục tiêu phấn đấu, nhiệm vụ trọng tâm và biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn.

Nội dung chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục.

Từ việc xác định sứ mạng, tầm nhìn, giá trị của nhà trường, trường đã xác định mục tiêu chiến lược đến năm 2030.

Từng giai đoạn của chiến lược phát triển phù hợp với nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất của nhà trường.

Chiến lược phát triển của trường đã thể hiện được quyết tâm của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường cũng như đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân địa phương.

## 3. Điểm yếu

Chưa tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường kịp thời.

Đội ngũ giáo viên thường xuyên thay đổi do chuyển trường làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển nhà trường.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm Hiệu trưởng chủ động tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, rà soát, bổ sung và điều chỉnh kịp thời những chỉ tiêu phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường nhằm xây dựng nhà trường phát triển đúng theo định hướng đã định.

5. Tự đánh giá: Không đạt

## **Tiêu chí 6:**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

### 1. Mô tả hiện trạng

Trong các năm từ năm 2014 đến nay nhà trường đều đạt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Tỷ lệ học sinh giỏi từ 7,8 đến 12,2%. Tỷ lệ học sinh khá từ 29.4 đến 36%. Tỷ lệ học sinh yếu-kém từ 7,4 đến 16.8%. Học sinh xếp loại hạnh kiểm

Khá-Tốt trên 85%. Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp trung học phổ thông từ 88.3 đến 100%. Số học sinh giỏi cấp thành phố và tỉnh 8-12 học sinh. Đề tài khoa học kỹ thuật cấp tỉnh 1. Có 2 giáo viên giỏi cấp thành phố và 2 giáo viên giỏi cấp tỉnh. Năm học 2017-2018 nhà trường được Ủy ban nhân dân Tỉnh tặng bằng khen tập thể lao động xuất sắc. [H1-1.1-03]

## 2. Điểm mạnh

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học được xây dựng phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường.

Đội ngũ giáo viên có tinh thần cầu tiến, cố gắng, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo đầy đủ phục vụ hoạt động dạy học trong nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Một số chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ năm học còn cao so với thực tiễn nhà trường.

Phụ huynh học sinh ít quan tâm đến việc học của con em mình.

Chưa huy động được các lực lượng ngoài xã hội trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

Trình độ nhận thức chung của học sinh còn thấp, chất lượng tuyển sinh đầu vào không cao, số lượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn còn nhiều.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm Hiệu trưởng tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch phù hợp với tình hình thực tiễn nhà trường.

Tham mưu, các cấp ủy, chính quyền địa phương nhằm huy động nguồn lực bên ngoài nhà trường, chung tay xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu chung của địa phương.

Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục học sinh. Thực hiện tốt mối quan hệ mật thiết giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh.

Tiếp tục nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất từ đó là cơ sở nâng cao chất lượng giáo dục chung của nhà trường.

## 5. Tự đánh giá: Không đạt

## **Kết luận:**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường hàng năm đều đạt những mục tiêu cơ bản đề ra. Kế hoạch phát triển giáo dục xây dựng trên cơ sở đảm bảo phù hợp với thực tiễn địa phương.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo đầy đủ phục vụ hoạt động dạy học trong nhà trường.

Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, có tinh thần cầu tiến, cố gắng, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều điểm yếu cần được Nhà trường đầu tư giải quyết trong thời gian tới.

Chưa tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường kịp thời.

Đội ngũ giáo viên thường xuyên thay đổi do chuyên trường làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển nhà trường.

Một số chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ năm học còn cao so với thực tiễn nhà trường.

Phụ huynh học sinh ít quan tâm đến việc học của con em mình.

Chưa huy động được các lực lượng ngoài xã hội trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

Trình độ nhận thức chung của học sinh còn thấp, chất lượng tuyển sinh đầu vào không cao, số lượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn còn nhiều.

Số lượng giáo viên có kiến thức hướng dẫn nghiên cứu khoa học còn ít. Trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ cho học sinh chưa đáp ứng. Trình độ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cơ bản hoạt động nghiên cứu khoa học. Lĩnh vực nghiên cứu còn hẹp.

Số lượng tiêu chí đạt Mức 4: 0 chiếm tỷ lệ 0%

Số lượng tiêu chí không đạt Mức 4: 06 chiếm tỷ lệ 100%.

### **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Trường THCS&THPT Tà Nung được thành lập theo quyết định số: 1371/QĐ-UB ngày 22/5/2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Nhà trường được tổ chức, cơ cấu hợp lý phù hợp với thực tiễn, trường có hai bậc học là trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đội ngũ cán bộ quản lý đảm bảo theo quy định cả về cơ cấu lẫn chất lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công tác hiện nay. Đội ngũ giáo viên đảm bảo cơ cấu, đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hiện hành. Số lượng học sinh của trường giao động quanh 500 học sinh với biên độ không lớn, đảm bảo số lượng lớp/trường, học sinh/lớp theo quy định hiện hành, tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên khoảng 50%. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu cơ bản cho hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Nhà trường có các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, các Hội đồng, Hội đồng tư vấn... Thực hiện tốt các mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Huy động các nguồn lực ngoài xã hội tất cả nhằm góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục, phát triển nhà trường nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu giáo dục của địa phương.

Tuy nhiên bên cạnh đó nhà trường còn tồn tại một số điểm yếu trong thời gian tới cần được đầu tư các nguồn lực để giải quyết.

Thực hiện Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ giáo dục và đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá và đã triển khai theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng. Nhà trường đã tổ chức tự đánh giá và hoàn thành Báo cáo tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn với 28 tiêu chí theo qui định.

Nhà trường đã huy động tối đa nguồn lực hiện có thực hiện công tác tự đánh giá, bước đầu hoàn thiện bộ hồ sơ kiểm định, song đây là hoạt động tương đối mới mẻ, nên không tránh khỏi thiếu sót trong quá trình thu thập thông tin minh chứng, xây dựng báo cáo. Đồng thời nhà trường đã có nhiều giải pháp tích cực về quản lý chuyên môn, tài chính, dần dần được chuẩn hóa, đi vào nề nếp và bước đầu có hiệu quả trong kết quả dạy và học của nhà trường trong những năm qua và các năm tiếp theo.

- Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt Mức 1 (28/28 đạt 100%), Mức 2 (6/28 đạt 21,4%), Mức 3 (22/28 đạt 78,6%);
- Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí không đạt Mức 1 (0/28 đạt 0%), Mức 2 (0/28 đạt 0%), Mức 3 (6/28 đạt 21.4%);
- Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt Mức 4 (0/6 đạt 0%);
- Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí không đạt Mức 4 (6/6 đạt 100%);
- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 2
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt KĐCLGD cấp độ 2 Đạt CQG Mức độ 1

*Tà Nung, ngày 28 tháng 02 năm 2019*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*

***Phan Văn Thế***

**Phần IV**  
**PHỤ LỤC**